



BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

21

Tháng 11 - 2016

# KHAI MẠC TRIỂN LÃM QUỐC TẾ VIETWATER 2016

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 11 năm 2016



*Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh dự Lễ cắt băng khai mạc Triển lãm*



*Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh thăm quan các gian trưng bày tại Triển lãm*

THÔNG TIN  
**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI BẢY**

**21**

**SỐ 21 - 11/2016**



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## MỤC LỤC

### Văn bản quản lý

#### Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ có Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng Khu trung tâm lễ hội thuộc Khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần tại tỉnh Nam Định” 5
- Thủ tướng Chính phủ có Quyết định Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 6

#### Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Sơn La có Quyết định Quy định Quản lý dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh 8
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế có Quyết định Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch - kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh 9
- UBND tỉnh Bình Thuận có Quyết định Quy định phân cấp về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh 11
- UBND tỉnh Bình Dương có Quyết định Quy định về hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh 13

## **CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH**

### **ĐỖ HỮU LỰC**

**Phó giám đốc Trung tâm**

**Thông tin**

#### **Ban biên tập:**

CN. BẠCH MINH TUẤN

**(Trưởng ban)**

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẬN

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

ThS. PHẠM KHÁNH LY

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

## **Khoa học công nghệ xây dựng**

- Nghiệm thu đề tài của Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (AMC) 16
- Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu công nghệ sử dụng tro bay nhiệt điện có hàm lượng mất khi nung cao làm nguyên liệu sản xuất clinker xi măng” 17
- Nghiệm thu đề tài của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng (IBST) 19
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong các doanh nghiệp thi công 20
- Thiết kế vườn hoa hiện đại của phương Đông - những ảnh hưởng từ phương Tây 22
- Nghiên cứu kinh nghiệm cải tạo các công trình công nghiệp cũ tại nước Mỹ 26
- Thiêm Tây xây dựng công nghiệp xanh, đô thị xanh 29

## **Thông tin**

- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tiếp Đại sứ Cu Ba Herminio Lopez Diaz 31
- Bộ Xây dựng phổ biến Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá và hướng dẫn xây dựng môi trường không khói thuốc tại nơi làm việc 32
- Diễn đàn hợp tác Phần Lan - Việt Nam “Cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn” và Hội thảo “Giảm thất thoát nước sạch - thách thức và cơ hội” 34
- Chân dung các thành phố hiện đại của châu Âu. Những xu hướng cơ bản trong quy hoạch đô thị châu Âu thế kỷ XXI 36
- Xây dựng thương hiệu kiến trúc - Quy hoạch đô thị của khu vực lãnh thổ là yếu tố then chốt phát triển đô thị 39
- Phương hướng phát triển xử lý phân loại rác thải - Kinh nghiệm từ thành phố Duy Phường, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc 44



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

**Thủ tướng Chính phủ có Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng Khu trung tâm lễ hội thuộc Khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần tại tỉnh Nam Định”**

Ngày 2 tháng 11 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2095/QĐ-TTg phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng Khu trung tâm lễ hội thuộc Khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần tại tỉnh Nam Định”.

Cơ quan chủ đầu tư là UBND tỉnh Nam Định  
Địa điểm thực hiện dự án ở phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

*Mục tiêu đầu tư gồm:*

Hoàn thành Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần tại tỉnh Nam Định đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 252/2005/QĐ-TTg, tạo tiền đề cho việc lập hồ sơ đề nghị công nhận quần thể khu di tích quốc gia đặc biệt thời Trần là di sản văn hóa thế giới.

Xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ cảnh quan và hoàn thiện cơ sở vật chất góp phần gìn giữ, phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học của quần thể khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần, trong bối cảnh xã hội mới, phát huy truyền thống yêu nước, đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, khơi dậy niềm tự hào dân tộc cho các thế hệ người Việt Nam.

Hình thành một điểm du lịch đặc sắc cho du khách trong nước và quốc tế đến thăm quan, nghiên cứu, tìm hiểu về văn hóa thời Trần; điểm sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của nhân dân, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nam Định trong thời gian tới.

*Nội dung, quy mô đầu tư*

Xây Khu công viên văn hóa Trần (phía Nam sông Vĩnh Giang) bao gồm xây hồ nước cảnh quan sinh thái phục vụ tưới tiêu và thoát nước của khu vực và đường dạo ven hồ, hệ thống cây xanh cảnh quan, hệ thống chiếu sáng.

Khu Trung tâm lễ hội (nằm giữa đền Trần và chùa Tháp) bao gồm xây dựng sân lễ hội, xây dựng và tôn tạo hệ thống cây xanh cảnh quan, cấp nước, thoát nước và vệ sinh môi trường, cấp điện và chiếu sáng và công trình kiến trúc, nghệ thuật phục vụ lễ hội.

Xây dựng mới khu đệm, khu dịch vụ, hệ thống đường giao thông kết nối đến các phân khu và giao thông nội bộ; công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật chung (cấp điện, cấp nước, thoát nước, thu gom rác thải, chất thải...); hệ thống chiếu sáng, bãi đỗ xe.

Tổng mức đầu tư dự án là 734.350.000 đồng

Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác, trong đó Ngân sách trung ương (Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa) hỗ trợ không quá 149.000.000 đồng; ngân sách địa phương 349.000.000 đồng; các nguồn vốn hợp pháp khác 263.350.000 đồng.

Thời gian thực hiện 05 năm (2016 - 2020)

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

## **Thủ tướng Chính phủ có Quyết định Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Ngày 9 tháng 11 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2163/QĐ-TTg Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia (DLQG) Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

### **Về quan điểm phát triển**

Phát triển Khu DLQG Sơn Trà bền vững, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng, Chiến lược và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam, Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và các Chiến lược, Quy hoạch của các ngành và lĩnh vực khác có liên quan.

Khai thác hợp lý thế mạnh về giá trị tài nguyên biển, rừng của Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà. Ưu tiên phát triển các loại hình du lịch sinh thái, thể thao, nghỉ dưỡng biển cao cấp phục vụ thị trường có khả năng chi trả cao và du lịch văn hóa - tâm linh.

Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương, thúc đẩy các ngành dịch vụ khác phát triển, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, góp phần tích cực vào nỗ lực xóa đói giảm nghèo, ổn định đời sống cho người dân trên địa bàn.

Bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc phòng, giữ vững chủ quyền biển đảo, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, gìn giữ tài nguyên thiên nhiên rừng, biển và phòng, chống thiên tai.

### **Mục tiêu phát triển**

Chỉ tiêu khách du lịch: Đến năm 2025 đón 3,5 triệu lượt khách, trong đó khách có lưu trú

đạt 180 ngàn lượt, khách tham quan các điểm di tích văn hóa - tâm linh đạt khoảng 2,7 triệu lượt. Phấn đấu đến năm 2030 đón trên 4,6 triệu lượt khách du lịch, trong đó khách lưu trú đạt khoảng 300 ngàn lượt.

Tổng thu từ khách du lịch (theo giá hiện hành): Đến năm 2025 đạt khoảng 1.900 tỷ đồng. Phấn đấu đến năm 2030 đạt khoảng 4.300 tỷ đồng.

Đến năm 2025 tạo việc làm cho trên 1.600 lao động trực tiếp. Phấn đấu đến năm 2030 tạo việc làm cho trên 2.800 lao động trực tiếp.

### **Các định hướng phát triển chủ yếu**

Phát triển thị trường khách du lịch: Đẩy mạnh khai thác các thị trường khách du lịch quốc tế trọng điểm như Bắc Mỹ (Mỹ), Tây Âu (Pháp, Đức, Anh), Đông Bắc Á (Nhật Bản và Hàn Quốc), Đông Nam Á (Thái Lan, Singapore, Malaysia). Các thị trường khách du lịch nội địa trọng điểm như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

### **Phát triển sản phẩm du lịch**

Sản phẩm du lịch chính: du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển cao cấp, du lịch văn hóa - tâm linh; du lịch thể thao và thể thao mạo hiểm. Sản phẩm du lịch bổ trợ: du lịch tìm hiểu văn hóa - lịch sử - cách mạng, du lịch tham quan thắng cảnh và các sản phẩm liên kết với khu vực lân cận như Ngũ Hành Sơn, Nam Hải Vân, Bà Nà...

### **Các khu chức năng của khu du lịch quốc gia**

Phát triển 03 trung tâm dịch vụ và cửa ngõ vào Khu DLQG trên 3 trực tiếp cận bán đảo Sơn Trà, gồm: Trung tâm đón tiếp và lưu trú Hồ Xanh - Bãi Bụt; Trung tâm diễn giải môi trường và du lịch sinh thái tại khu vực giao cắt giữa đường lên đỉnh Bàn Cờ và đường Yết Kiêu và Trung tâm dịch vụ du lịch, nhà hàng tại khu vực

Tiên Sa.

Hình thành các trung tâm, cụm dịch vụ lưu trú nghỉ dưỡng cao cấp, gồm trung tâm lưu trú Hồ Xanh - Bãi Bụt; các cụm nghỉ dưỡng: Bãi Trẹm, Bãi Rạng, Ghềnh Đa - Mũi Nghê... Quy mô đến năm 2030 có khoảng 1.600 buồng khách sạn;

Phát triển các khu chức năng phục vụ du lịch sinh thái, vui chơi giải trí, thể thao và ngắm cảnh, gồm khu vườn hoa và thuốc Nam, khu vườn sim, khu cứu hộ động vật và vườn thú bán hoang dã, khu cắm trại và sinh hoạt cộng đồng...

#### **Định hướng đầu tư**

Huy động hiệu quả mọi nguồn lực để đầu tư phát triển Khu DLQG Sơn Trà, bao gồm vốn hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước, Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch, vốn từ các tổ chức, doanh nghiệp, thành phần kinh tế trong nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp trong nước khác.

#### **Các giải pháp thực hiện quy hoạch**

*Giải pháp về quy hoạch và quản lý quy hoạch*

Lập quy hoạch chung Khu DLQG; rà soát quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết các khu chức năng, các dự án thành phần trong Khu DLQG theo định hướng chú trọng phát triển du lịch sinh thái, hướng tới thị trường cao cấp.

#### *Giải pháp về đầu tư*

Dành nguồn ngân sách hợp lý đầu tư kết cấu hạ tầng; xúc tiến quảng bá và xây dựng thương hiệu Khu DLQG; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Kêu gọi đầu tư theo Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư ban hành kèm theo Quyết định này, trong đó ưu tiên các dự án phát triển du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp.

#### *Giải pháp phát triển nguồn nhân lực*

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực, đặc biệt tập trung vào đội ngũ quản lý, hướng dẫn viên du lịch, lao động nghiệp vụ bậc cao.

Chuyển giao công nghệ quản lý và nâng cao

chất lượng đội ngũ nhân lực quản lý hoạt động kinh doanh du lịch để từng bước tiếp quản nhiệm vụ quản lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch cao cấp; áp dụng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia nhằm nâng cao chất lượng phục vụ du lịch tại các cơ sở dịch vụ du lịch. Nâng cao nhận thức về du lịch sinh thái, bảo vệ môi trường.

*Giải pháp về xúc tiến, quảng bá xây dựng thương hiệu khu du lịch*

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch xúc tiến quảng bá cho Khu DLQG Sơn Trà trong kế hoạch xúc tiến quảng bá du lịch chung của thành phố Đà Nẵng, vùng duyên hải Nam Trung Bộ, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và Hành lang kinh tế Đông Tây.

Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu Khu DLQG Sơn Trà; xây dựng trang tin điện tử (website) Khu DLQG Sơn Trà hấp dẫn, độc đáo, thông tin cập nhật, phù hợp với các giá trị thương hiệu và thị trường.

#### *Giải pháp thu hút thị trường:*

Đối với thị trường khách du lịch nội địa cần tăng cường thông tin về sản phẩm du lịch sinh thái; có chính sách kích cầu theo mùa, theo các gói sản phẩm với giá phù hợp; tăng cường các thông tin quảng bá về các điểm du lịch chính và bổ trợ để hình thành sự nhận biết về sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng và nghỉ biển quan trọng; xúc tiến thông tin cho các sản phẩm độc đáo của Khu DLQG Sơn Trà trong mối liên kết với Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam.

Đối với thị trường khách du lịch quốc tế cần thu hút khách du lịch sinh thái; phát triển thị trường khách quốc tế nghỉ dưỡng biển cao cấp, từng bước thu hút thị trường khách đi lại tự do bằng việc liên kết với các sản phẩm du lịch của Quảng Nam và Thừa Thiên Huế; đặc biệt coi trọng việc tiếp thị qua mạng và tăng cường các chuyến bay, mở đường bay trực tiếp giữa Đà Nẵng với các thị trường nguồn trọng điểm.

#### *Giải pháp bảo vệ tài nguyên và môi trường*

Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống hạ tầng môi trường của Khu DLQG; nâng cao

nhận thức về môi trường.

Xây dựng kế hoạch quản lý môi trường, hệ thống tiêu chí đánh giá tác động và thực hiện việc theo dõi, giám sát thường xuyên các tác động tới môi trường từ hoạt động du lịch tại Khu DLQG Sơn Trà.

*Giải pháp bảo đảm an ninh, quốc phòng*

Thực hiện kiểm tra và giám sát chặt chẽ hoạt động tham quan, du lịch theo quy chế quản lý hoạt động của Khu DLQG.

Các dự án đầu tư phát triển du lịch ở Sơn

Trà chỉ sử dụng nguồn vốn trong nước; các dự án xây dựng, đặc biệt là các công trình kiên cố chỉ xây dựng ở độ cao dưới 200m.

Các đồ án quy hoạch chi tiết, thiết kế, dự án khả thi cần xin ý kiến của Bộ Quốc phòng trước khi phê duyệt và triển khai.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

## VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### **UBND tỉnh Sơn La có Quyết định Quy định Quản lý dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh**

Ngày 05 tháng 8 năm 2016, UBND tỉnh Sơn La đã có Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND Quy định Quản lý dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh.

Quy định này áp dụng cho việc quản lý dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Sơn La gồm dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước đô thị, dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng đô thị, dịch vụ quản lý và chăm sóc, duy trì cây xanh, hoa cảnh đô thị, duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn trang trí và đèn tín hiệu giao thông nội thị, dịch vụ chỉnh trang đô thị thường xuyên khác (treo cờ, quét vôi, sơn đường).

*Lựa chọn phương thức cung ứng dịch vụ công ích đô thị theo thứ tự sau:*

Đấu thầu được áp dụng với tất cả dịch vụ công ích đô thị

Chỉ định thầu áp dụng trong các trường hợp: Gói thầu cung ứng dịch vụ công ích đô thị có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng; Gói thầu cung ứng dịch vụ công ích đô thị mà chỉ có 01 nhà cung ứng duy nhất trên địa bàn có khả năng thực hiện và đáp ứng được yêu cầu của gói thầu.

Đặt hàng áp dụng trong trường hợp không đáp ứng được các điều kiện đấu thầu; trường hợp đặc thù áp dụng hình thức đấu thầu không phù hợp và được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương bằng văn bản thực hiện theo hình thức đặt hàng.

*Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán*

UBND các huyện, thành phố lập dự toán và phương thức thực hiện dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn trình Sở Xây dựng thẩm định trước ngày 01 tháng 6 hàng năm (hoặc trước ngày 01 tháng 6 của năm trước năm tổ chức đấu thầu). Sở Xây dựng chủ trì thẩm định, Sở Tài chính cho ý kiến bằng văn bản về khả năng cân đối ngân sách đối với dự toán thực hiện dịch vụ công ích đô thị do UBND các huyện, thành phố lập. Sở Xây dựng trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán và phương thức thực hiện cung ứng dịch vụ công ích đô thị.

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán, Sở Tài chính tham mưu, trình UBND giao dự toán để triển khai thực hiện. Sau khi có Quyết định giao dự toán của UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện cung ứng dịch vụ công ích đô thị.

Thời gian thẩm định và tham gia ý kiến: Sở Xây dựng thẩm định dự toán không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Sở Tài chính có trách nhiệm tham gia ý kiến trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Xây dựng.

*Thời gian thực hiện hợp đồng dịch vụ công ích đô thị*

Đối với các dịch vụ công ích đô thị có tính chất thường xuyên: Đối với trường hợp đấu thầu thời gian thực hiện tối đa 3 năm; đối với trường hợp đặt hàng thời gian thực hiện tối đa 12 tháng và phù hợp với niên độ ngân sách.

Đối với các dịch vụ công ích đô thị có tính chất không thường xuyên: UBND các huyện, thành phố quyết định thời gian thực hiện gói thầu phù hợp với quy mô, tính chất của từng gói thầu. Thời gian hoàn thành quy trình lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ công ích đô thị chậm nhất ngày 30 tháng 3 hàng năm.

*Phương thức nghiệm thu*

Hồ sơ nghiệm thu: Sổ nhật ký, biên bản nghiệm thu. Nội dung nghiệm thu phải chi tiết cho từng dịch vụ công ích đô thị, phải thể hiện đầy đủ các tiêu chí: Khối lượng sản phẩm dịch vụ công ích đô thị đã thực hiện; chất lượng công việc đã hoàn thành; thông số kỹ thuật theo đúng quy định của nhà nước.

Yêu cầu trong công tác nghiệm thu đảm bảo đúng thực tế, đúng thời điểm và kịp thời, các yêu cầu về kỹ thuật theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

*Thời gian nghiệm thu:*

Nghiệm thu hàng tháng: Từ ngày 01 đến

ngày 05 của tháng tiếp theo; thời gian nghiệm thu tháng cuối quý thực hiện cùng thời điểm nghiệm thu hàng quý;

Nghiệm thu hàng quý: Từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng liền kề tháng cuối quý;

Nghiệm thu năm: Nghiệm thu vào tuần đầu tiên của năm tiếp theo trên cơ sở hợp đồng đã ký (thời gian để tính 01 năm bắt đầu từ ngày ký hợp đồng).

*Xử lý các trường hợp phát sinh khối lượng thực hiện dịch vụ công ích đô thị*

Đối với trường hợp sử dụng ngân sách do UBND các huyện, thành phố quản lý, UBND các huyện, thành phố tự tổ chức thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Đối với trường hợp sử dụng ngân sách do UBND tỉnh cân đối, UBND các huyện, thành phố tổ chức lập dự toán, trình thẩm định, phê duyệt và tổ chức lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ công ích đô thị theo quy định để triển khai thực hiện. Thời gian lập, trình thẩm định, phê duyệt dự toán thực hiện tại thời điểm phát sinh khối lượng, công việc.

Đối với các nhiệm vụ, nội dung công việc đã tổ chức lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ công ích đô thị trước ngày Quy định này có hiệu lực và đang trong thời gian thực hiện hợp đồng thì tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, triển khai thực hiện theo các nội dung của quy định này và các quy định hiện hành của nhà nước có liên quan.

Xem toàn văn tại ([www.sonla.gov.vn](http://www.sonla.gov.vn))

## **UBND tỉnh Thừa Thiên Huế có Quyết định Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch - kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh**

Ngày 21 tháng 9 năm 2016, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy

hoạch - kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh.

**Lập, thẩm Định, phê duyệt nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch**

*Tổ chức lập quy hoạch*



UBND tỉnh ủy quyền Sở Xây dựng lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng gồm vùng tỉnh, vùng liên huyện, vùng chức năng đặc thù; khu chức năng đặc thù (trừ khu chức năng đặc thù cấp quốc gia); nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng đặc thù; quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết các khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai huyện trở lên và khu vực có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, lịch sử.

UBND thành phố Huế, thị xã: Hương Thủy, Hương Trà có nhiệm vụ tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung thành phố Huế, thị xã.

UBND các huyện có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng huyện; quy hoạch chung, phân khu đô thị mới (trừ khu đô thị mới An Vân Dương) trên địa bàn do mình quản lý; các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp...

UBND cấp xã lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng xã và quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

#### *Thẩm định quy hoạch*

Sở Xây dựng có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch chung thành phố Huế, trình Bộ Xây dựng thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, vùng huyện; thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù; thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết các khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính hai huyện (thành phố, thị xã hoặc huyện) trở lên.

Phòng quản lý đô thị thành phố Huế có trách nhiệm thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết các khu chức năng, cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp và các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung do các chủ đầu tư dự án lập thuộc phạm vi địa giới hành

chính do mình quản lý; đồ án quy hoạch chi tiết khu vực đã được cấp giấy phép quy hoạch.

Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND các huyện có trách nhiệm thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết các khu chức năng, cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, khu đô thị mới (trừ đô thị mới An Vân Dương).

#### *Phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch*

UBND tỉnh có trách nhiệm phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện; các khu chức năng đặc thù; phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung thị xã Hương Thủy, Hương Trà; quy hoạch chung thị trấn; quy hoạch chung đô thị mới có qui mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại IV, V.

UBND thành phố Huế có trách nhiệm phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết các khu chức năng, cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp và các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung do các chủ đầu tư dự án lập thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

UBND các huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu đối với các khu chức năng của các huyện; khu đô thị mới (trừ khu đô thị mới An Vân Dương), cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; xây dựng xã và quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

#### *Quy hoạch xây dựng chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật*

Sở Xây dựng tổ chức lập, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật cấp tỉnh gồm quy hoạch cấp nước, quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải; quy hoạch xử lý chất thải rắn và quy hoạch nghĩa trang, quy hoạch quản lý cây xanh.

Sở Giao thông vận tải lập, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng giao thông cấp tỉnh.

Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức lập,



thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng viễn thông cấp tỉnh.

Sở Công Thương tổ chức lập, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng phát triển điện lực cấp tỉnh theo quy hoạch vùng tỉnh và quy hoạch chung đô thị được duyệt.

#### **Quản lý quy hoạch xây dựng**

##### *Công bố quy hoạch*

UBND tỉnh ủy quyền Sở Xây dựng phối hợp Bộ Xây dựng công bố đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù liên tỉnh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã có liên quan tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch phân khu, chi tiết, Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thuộc phạm vi đô thị mới An Vân Dương và Khu vực phát triển đô thị khác được UBND tỉnh giao quản lý.

UBND cấp xã tổ chức công khai đồ án quy hoạch chung của xã; quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

##### *Cung cấp thông tin quy hoạch*

Sở Xây dựng có trách nhiệm cung cấp thông tin quy hoạch thuộc phạm vi đô thị mới An Vân Dương, khu vực chưa có quy hoạch chung của thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, Hương Trà; khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính hai huyện (thành phố, thị xã) trở lên.

Phòng quản lý đô thị thành phố Huế, thị xã: Hương Thủy, Hương Trà, phòng Kinh tế và Hạ tầng của UBND cấp huyện: Cung cấp thông tin quy hoạch thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

##### *Thẩm quyền cấp giấy phép quy hoạch*

UBND tỉnh ủy quyền Sở Xây dựng cấp giấy phép quy hoạch đối với những dự án đầu tư xây dựng trong khu chức năng đặc thù cấp quốc gia; đầu tư xây dựng công trình tập trung tại khu vực trong đô thị chưa có quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết có quy mô trên 50ha trong phạm vi toàn tỉnh; chưa có quy hoạch phân khu trong đô thị mới An Vân Dương và dự án đầu tư xây dựng có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, lịch sử của tỉnh; đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ tại khu vực trong đô thị chưa có quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế đô thị, trừ nhà ở; đầu tư xây dựng công trình tập trung hoặc riêng lẻ trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết được duyệt, nhưng cần điều chỉnh ranh giới.

##### *Thiết kế mẫu kiến trúc công trình*

UBND tỉnh ủy quyền Sở Xây dựng phê duyệt (hoặc thỏa thuận) hồ sơ thiết kế mẫu kiến trúc công trình đối với những dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận đầu tư của UBND tỉnh.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2016.

**Xem toàn văn tại**  
**([www.thuathienhue.gov.vn](http://www.thuathienhue.gov.vn))**

## **UBND tỉnh Bình Thuận có Quyết định Quy định phân cấp về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh**

Ngày 3 tháng 10 năm 2016, UBND tỉnh Bình Thuận đã có Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND Quy định phân cấp về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh.

**Các nguyên tắc đối với hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng**

Các nguyên tắc đối với hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

#### **Phân cấp nghĩa trang và cơ sở hỏa táng**

##### *Phân cấp nghĩa trang*

Nghĩa trang cấp I: Nghĩa trang quốc gia; nghĩa trang có quy mô diện tích đất lớn hơn 60 ha; Nghĩa trang cấp II: Có quy mô diện tích đất từ 30 ha đến 60 ha; Nghĩa trang cấp III: Có quy mô diện tích đất từ 10 ha đến nhỏ hơn 30 ha; Nghĩa trang cấp IV: Có quy mô diện tích đất nhỏ hơn 10 ha.

*Phân cấp cơ sở hỏa táng:* Cấp II với mọi quy mô.

##### *Quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh*

Quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP; nhằm cụ thể hóa nội dung định hướng quy hoạch nghĩa trang trong đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh; Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng.

*Quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng*

Các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng khi tiến hành lập quy hoạch chi tiết xây dựng phải phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh, quy hoạch chung xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng xây dựng mới hoặc mở rộng đều phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng.

Đối với các nghĩa trang có quy mô nhỏ hơn 05 ha, đã có quy hoạch tổng thể hoặc quy hoạch vùng tỉnh hoặc quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh hoặc quy hoạch nông thôn mới được phê duyệt thì lập dự án đầu tư xây dựng (trong đó bao gồm tổng mặt bằng xây dựng), không phải lập quy hoạch chi tiết.

Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch xây dựng các nghĩa trang cấp I, cấp II, cơ sở hỏa táng và nghĩa trang liên huyện được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước.

UBND các huyện, thị xã Lagi, thành phố Phan Thiết có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng các nghĩa trang cấp III, cấp IV được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước sau khi có ý kiến thỏa thuận của Sở Xây dựng.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng gửi về Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

*Thẩm quyền quyết định việc cải tạo, đóng cửa, di chuyển nghĩa trang và các phần mộ riêng lẻ*

Sở Xây dựng phối hợp với UBND cấp huyện rà soát trình UBND tỉnh quyết định việc cải tạo, đóng cửa hoặc di chuyển nghĩa trang cấp I, cấp II và nghĩa trang liên huyện trên địa bàn tỉnh.

UBND cấp huyện căn cứ quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh, quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt và điều kiện thực tế của địa phương để lập kế hoạch, tiến độ thực hiện và quyết định việc cải tạo, đóng cửa hoặc di chuyển nghĩa trang cấp III, cấp IV và các phần mộ riêng lẻ trên địa bàn do huyện quản lý.

##### *Xác định đơn vị quản lý nghĩa trang*

Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh xem xét, giao đơn vị có chức năng quản lý nghĩa trang liên huyện được đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo mở rộng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Đối với các nghĩa trang từ cấp I đến cấp IV thuộc ranh giới chính của huyện thì UBND huyện lựa chọn đơn vị có chức năng quản lý nghĩa trang.

Đối với các nghĩa trang được đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà

nước thì nhà đầu tư trực tiếp quản lý hoặc thuê quản lý nghĩa trang do mình đầu tư xây dựng.

*Lựa chọn đơn vị quản lý vận hành cơ sở hỏa táng*

Việc lựa chọn đơn vị quản lý vận hành cơ sở hỏa táng được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.

Đối với các cơ sở hỏa táng được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì Sở Xây dựng phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành.

Đối với các cơ sở hỏa táng được đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước thì nhà đầu tư trực tiếp quản lý hoặc thuê quản lý cơ sở hỏa táng do mình đầu tư xây dựng.

*Quy chế quản lý nghĩa trang*

Các đơn vị quản lý, khai thác và sử dụng nghĩa trang có trách nhiệm lập quy chế quản lý nghĩa trang đối với các nghĩa trang do mình quản lý.

*Thẩm quyền phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang*

Đối với các nghĩa trang được đầu tư xây

dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước: Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang liên huyện; UBND cấp huyện tổ chức thẩm định và phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang đối với các nghĩa trang do huyện quản lý.

Đối với các nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Tổ chức, cá nhân phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang do mình đầu tư xây dựng. Quy chế quản lý nghĩa trang sau khi được phê duyệt phải gửi cho UBND huyện nơi có nghĩa trang được đầu tư xây dựng để quản lý, giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

Các nghĩa trang được xây dựng mới, quy chế quản lý nghĩa trang phải được lập và phê duyệt trước khi đưa nghĩa trang vào khai thác, sử dụng. Đối với các nghĩa trang hiện hữu nếu chưa có quy chế quản lý nghĩa trang thì phải tiến hành lập và trình phê duyệt theo đúng quy định.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2016.

## **UBND tỉnh Bình Dương có Quyết định Quy định về hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh**

Ngày 7 tháng 10 năm 2016, UBND tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND Quy định về hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh.

*Nguyên tắc chung trong hoạt động quảng cáo ngoài trời*

Hoạt động quảng cáo ngoài phải tuân theo các quy định của Luật Quảng cáo, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng và lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời QCVN 17:2013/BXD, các văn bản QPPL khác có liên quan, đồng thời phù hợp với quy hoạch quảng cáo ngoài trời tỉnh Bình Dương đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Tổ chức, cá nhân quảng cáo bằng các loại phương tiện như bảng (pa - nô) quảng cáo, băng - rôn, bảng hiệu, hộp đèn, phương tiện giao thông... phải thực hiện chế độ duy tu, bảo trì thường xuyên trong suốt thời gian quảng cáo đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với mọi sự cố do các phương tiện quảng cáo gây ra; chịu trách nhiệm về nội dung sản phẩm quảng cáo.

Phải tuân thủ các quy định về an toàn xã hội, mỹ quan đô thị, an toàn giao thông.

*Những quy định cụ thể*

Các Sở, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền bằng hình thức trực quan (pa - nô,

băng rôn) bên ngoài khu vực trụ sở phải có văn bản thông báo kèm 2 mẫu ma-két in màu và nội dung gửi đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Thời hạn treo không quá 15 ngày; phải ghi rõ tên và địa chỉ của đơn vị thực hiện ở phía dưới của băng rôn dọc và phía bên phải đối với băng - rôn ngang.

Băng - rôn ngang: kích thước 0,8m \* 10m hoặc 0,8m \* 12m (tùy theo điều kiện thực tế của đường phố nhưng không vượt quá giới hạn +20% chiều dài theo kích thước nêu trên). Chiều cao tối thiểu là 5,50 m tính từ điểm cao nhất của mặt đường theo phương thẳng đứng đến cạnh mép dưới của băng - rôn. Khoảng cách giữa các băng rôn liền kề cách nhau tối thiểu là 200m theo chiều dọc của tuyến đường.

Băng - rôn dọc: kích thước 0,8m \* 2,5m; chiều cao từ mặt của dải phân cách hoặc mặt đường đến cạnh mép dưới của băng - rôn từ 1m đến 1,4m. Khoảng cách giữa các băng - rôn dọc cách 1 trụ đèn chiếu sáng (không phải là trụ, cột treo mác dây dẫn điện) được treo 1 băng - rôn.

Pa - nô tuyên truyền cổ động chính trị phải ghi rõ tên, địa chỉ của đơn vị thực hiện và thực hiện đúng quy cách quy định. Pa - nô đơn có kích thước 1m \* 2m hoặc 2m \* 3m. Cụm pa - nô có kích thước 2m \* 6m, 2m \* 9m hoặc 2m \* 12m. Các pa - nô được lắp đặt, dựng tại các điểm đã quy hoạch, không dựng pa - nô trong các vòng xoáy giao lộ. Khoảng cách từ mặt đường đến cạnh mép dưới của pa - nô là 1m.

*Địa điểm, khu vực cấm và hạn chế quảng cáo*

Khu vực cấm quảng cáo: Nơi đặt tượng đài, bia tưởng niệm, nghĩa trang liệt sĩ, di tích lịch sử văn hóa, cách mạng, di tích khảo cổ học đã được xếp hạng, trụ sở cơ quan Đảng, Nhà nước các cấp, doanh trại quân đội, trụ sở cơ quan công an; quảng cáo giăng ngang qua đường giao thông; bên trong vòng xoay các giao lộ, mặt đường giao thông.

*Địa điểm, khu vực hạn chế quảng cáo*

Trên các công trình xây dựng băng ngang qua đường giao thông (cổng chào, băng chỉ dẫn giao thông, trạm thu phí). Mặt tiền và hai mặt tường bên (phải, trái) công trình các chợ có thiết kế hệ thống cửa sổ, ô lấy ánh sáng và thông gió.

Quảng cáo tại công trình, nhà ở riêng lẻ phải đảm bảo yêu cầu chiều cao tối đa 5m, chiều dài không vượt quá giới hạn mặt tường tại vị trí đặt bảng, số lượng không quá 2 bảng.

Đối với công trình, nhà ở 4 tầng trở xuống, chiều cao của bảng quảng cáo ốp vào mặt tường bên không được nhô lên quá sàn mái 1,5m. Đối với công trình, nhà ở 5 tầng trở lên toàn bộ diện tích mặt bảng quảng cáo phải gắn, ốp vào mặt tường bên.

*Bảng quảng cáo đặt tại mặt tiền các công trình, nhà ở phải đảm bảo các yêu cầu*

Đối với bảng quảng cáo ngang, mỗi tầng chỉ được đặt 1 bảng, chiều cao tối đa 2m, chiều ngang không vượt quá giới hạn chiều ngang mặt tiền công trình, nhà ở; mặt ngoài bảng quảng cáo nhô ra khỏi mặt tường công trình, nhà ở tối đa 0,2m.

Bảng quảng cáo dọc có chiều ngang tối đa 1m, chiều cao tối đa 4m nhưng không vượt quá chiều cao của tầng công trình; mặt ngoài bảng quảng cáo nhô ra khỏi mặt tường công trình, nhà ở tối đa 0,2m.

Bảng quảng cáo đặt mặt ngoài các tòa nhà cao tầng phải đảm bảo an toàn về cháy nổ, chịu lực và không che chắn hệ thống ô (lỗ) thông gió, lấy ánh sáng.

*Quảng cáo tại các nhà chờ, xe buýt, trạm rút tiền tự động (ATM) của ngân hàng*

Không quảng cáo trên nóc nhà chờ xe buýt, không lắp đặt bảng quảng cáo đứng độc lập trong khu nhà chờ xe buýt. Diện tích bảng quảng cáo chỉ thực hiện trong phần mặt phẳng diện tích vách nhà chờ xe buýt. Tại các trạm rút tiền tự động (ATM), phía ngoài được quảng cáo tên giao dịch, tên viết tắt, nhãn hiệu ngân hàng là chủ sở hữu máy. Các dịch vụ khác quảng cáo

bên trong trạm.

Bảng chỉ đường: phải tuân theo các quy định về quản lý và sử dụng vỉa hè, lòng đường. Về kích thước, bảng độc lập kích thước 0,6m \* 1,2m.

Quảng cáo rao vặt: chỉ được đặt tại những nơi quy định; không treo, dán, viết, kẻ, vẽ các bảng quảng cáo rao vặt lên tường, trên cột, trụ, mắc dây truyền tải điện... Các hoạt động phát

tờ rơi quảng cáo chỉ được thực hiện tại cửa ra vào và tại các quầy hàng phía trong, không phát tờ rơi tại các giao lộ.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/10/2016.

**Xem toàn văn tại  
([www.binhduong.gov.vn](http://www.binhduong.gov.vn))**



## **Nghiệm thu đề tài của Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (AMC)**

Ngày 2/11/2016, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng Khoa học công nghệ chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu kết quả của đề tài “Nghiên cứu xây dựng bộ chương trình khung bồi dưỡng phục vụ công tác sát hạch cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng theo Luật Xây dựng 2014” (Phần 1- Hợp đồng số 34/HĐ-KHCN) do Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (AMC) thực hiện. TS. Bùi Trung Dũng - Cục trưởng Cục Hoạt động xây dựng, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo với các thành viên trong Hội đồng, TS. Trần Hữu Hà - Giám đốc Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị đã trình bày sơ lược về tính cấp thiết cũng như quá trình thực hiện đề tài. Theo đó, Luật Xây dựng năm 2014 ra đời với nhiều thay đổi so với Luật Xây dựng 2003 sẽ là căn cứ pháp lý chặt chẽ trong công tác quản lý các hoạt động xây dựng. Đặc biệt, với những điểm mới quy định về điều kiện năng lực hành nghề đang được sự quan tâm của nhiều tổ chức, cá nhân đang hoạt động trong và ngoài lĩnh vực xây dựng bởi nó sẽ có ảnh hưởng rất lớn và trực tiếp đến chất lượng công trình xây dựng. Luật Xây dựng năm 2014 ra đời và có hiệu lực từ ngày 1/1/2015 nhưng đến nay vẫn chưa có các chương trình thống nhất và tài liệu đào tạo bồi dưỡng phục vụ công tác sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng. Vì vậy, việc thực hiện đề tài này là hoàn toàn thiết thực và cấp bách. Mục tiêu của đề tài là đảm bảo quản lý thống nhất, minh bạch nội dung chương trình khung cũng như các bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng công tác sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo Luật Xây dựng năm 2014. Đề tài đã hoàn thiện với 9 Chương trình khung với thời lượng được phân bố theo hình chóp với 3 hạng: Hạng III có thời gian dài nhất, kéo dài khoảng 5-7 ngày; Hạng II kéo dài khoảng 3 - 4 ngày; Hạng



*Toàn cảnh Hội nghị nghiệm thu*

I có thời gian ngắn nhất, kéo dài khoảng 2 - 3 ngày. Tỷ lệ phần Kiến thức pháp luật/ Kiến thức chuyên môn tương đương 40/60.

Học viện đã hoàn thành việc xây dựng chương trình khung của 9 bộ chương trình đào tạo, bồi dưỡng phục vụ công tác sát hạch cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng gồm: Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng; Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng; Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng; Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng; Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng; Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ hành nghề an toàn lao động trong xây dựng; Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng; Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ đủ điều kiện hành nghề đối với chỉ huy trưởng công trình; Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Tất cả nội dung chương trình khung của 9 bộ tài liệu đều đã được thông qua các ý kiến đóng góp, chỉnh sửa của các chuyên gia.

Phát biểu tại Hội nghị nghiệm thu, các chuyên gia phản biện cũng như các ủy viên của



Hội đồng đều cho rằng nhiệm vụ của đề tài là rất cần thiết, đồng thời cũng đánh giá cao những cố gắng của Học viện AMC trong việc nghiên cứu, thiết lập các chương trình đào tạo, bồi dưỡng phục vụ công tác sát hạch cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng, về cơ bản các chương trình là phù hợp, các nội dung được cụ thể hóa cho các đối tượng. Tuy nhiên, các chuyên gia phản biện và các ủy viên Hội đồng cũng đóng góp, trao đổi với chủ nhiệm đề tài về một số vấn đề như: nhiều chương trình chưa rõ ràng, nhiều chương trình khung đào tạo giống nhau (đặc biệt ở hạng I và II), nên bỏ chương trình khung về an toàn lao động, đưa thêm các nội dung chuyên sâu cho các đối tượng hạng I, nội dung kiến thức pháp luật còn nghèo nàn, kiến thức pháp luật cần giống nhau ở các hạng, cần loại bỏ các nội dung kiến thức đã được trang bị tại các trường đại học, các chương trình đã nêu các mục tiêu và đối tượng nhưng chưa có phân yêu cầu đối với các đối tượng, tên chương trình cần nhấn

mạnh chữ “bồi dưỡng nghiệp vụ”... Các ý kiến góp ý của Hội đồng đã được chủ nhiệm đề tài tiếp thu nghiêm túc và giải trình ngay tại chỗ.

Phát biểu kết luận Hội nghị, thay mặt Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ, Cục trưởng Cục Hoạt động xây dựng - TS. Bùi Trung Dung nhất trí với các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng và đề nghị chủ nhiệm đề tài tiếp thu các ý kiến đóng góp, đồng thời chỉ đạo nhóm biên soạn soát xét lại các chương trình sao cho phù hợp, phát triển các chương trình sao cho đúng hướng.

Đề tài “Nghiên cứu xây dựng bộ chương trình khung bồi dưỡng phục vụ công tác sát hạch cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng theo Luật Xây dựng 2014” đã được Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Kim Nhạn

## **Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu công nghệ sử dụng tro bay nhiệt điện có hàm lượng mất khi nung cao làm nguyên liệu sản xuất clinker xi măng”**

Ngày 04/11/2016 tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành cuộc họp nghiệm thu các kết quả của đề tài “nghiên cứu công nghệ sử dụng tro bay nhiệt điện có hàm lượng mất khi nung cao làm nguyên liệu sản xuất clinker xi măng” do Viện Vật liệu Xây dựng chủ trì thực hiện. TS. Lê Trung Thành - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường (Bộ Xây dựng) làm Chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo Hội đồng về các nội dung nghiên cứu của đề tài, chủ nhiệm đề tài - ThS. Hà Văn Lân cho biết, tính đến năm 2015, cả nước hiện có 23 nhà máy nhiệt điện đang hoạt động, trong đó có 15 nhà máy sử dụng công nghệ đốt than phun, 8 nhà máy sử dụng công nghệ đốt than tầng sôi, và tổng lượng tro xỉ phát sinh khoảng 10 triệu tấn/năm. Theo Quy hoạch phát

triển điện giai đoạn 2011 - 2020 có xét tới 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quy hoạch điện VII) thì đến năm 2020 và 2030 tổng công suất các nhà máy nhiệt điện chạy than ở nước ta tương ứng là 36.000MW và 75.000MW, khi đó ước tính có khoảng 25 triệu tấn và 50 triệu tấn tro xỉ sẽ phát sinh hàng năm. Do đó, yêu cầu đặt ra cho việc xử lý lượng tro xỉ này là rất cấp bách và cần thiết.

Việc nghiên cứu ứng dụng tro bay làm nguyên liệu trong sản xuất clinker của Việt Nam đã được thực hiện từ thập niên 1990 với đề tài “Nghiên cứu sử dụng tro xỉ nhiệt điện Phả Lại làm nguyên liệu sản xuất clinker xi măng” do Viện VLXD thực hiện. Kết quả nghiên cứu thí nghiệm cho thấy có thể thay thế đất sét trong phối liệu bằng tro xỉ từ 10% đến 100% làm cho

quá trình nghiền phối liệu trở nên dễ dàng hơn, làm tăng khả năng tạo khoáng clinker của phối liệu đồng thời làm cho nhiệt nung clinker thấp hơn thông thường. Kết quả sản xuất thực nghiệm bằng công nghệ lò đứng cho thấy, khi sử dụng tro xỉ thay thế đất sét từ 0% đến 60% không làm xáo trộn các giai đoạn công nghệ, clinker tạo thành có mác cao hơn. Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ áp dụng cho công nghệ lò đứng và chưa đề cập đến các yếu tố có thể ảnh hưởng đến công nghệ sản xuất xi măng lò quay như: hàm lượng than chưa cháy trong tro bay khi đưa vào phối liệu và cấp vào lò sẽ sinh ra CO gây hại đến thiết bị phía sau và lọc bụi tĩnh điện, hàm lượng kiềm trong tro bay cao gây tắc tháp trao đổi nhiệt, hàm lượng sunphat trong tro bay gây ảnh hưởng đến chất lượng clinker...

Về nội dung nghiên cứu của đề tài, ThS. Hà Văn Lâm cho biết, nhóm đề tài đã tiến hành thu thập tài liệu trong nước và nước ngoài về sử dụng tro bay làm nguyên liệu sản xuất clinker xi măng, lựa chọn tro bay và nguyên liệu cần thiết để chế tạo clinker xi măng trong phòng thí nghiệm, thí nghiệm và đánh giá khả năng sử dụng tro bay có hàm lượng mất khi nung cao thay thế một phần sét làm nguyên liệu sản xuất clinker xi măng, các ảnh hưởng của tro bay đến các thông số công nghệ, nghiên cứu phương án công nghệ sử dụng tro bay làm nguyên liệu để sản xuất công nghiệp ứng dụng thử tại một nhà máy xi măng và đánh giá các hiệu quả về tiết kiệm nhiệt, xử lý phế thải, chất lượng clinker và các hiệu quả kinh tế - kỹ thuật khác. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm, nhóm đề tài đã đưa ra quy trình công nghệ sản xuất clinker xi măng có sử dụng tro bay thay thế một phần nguyên liệu sét.

Qua các kết quả nghiên cứu, nhóm đề tài đã đưa ra những kết luận quan trọng, đó là hoàn toàn có khả năng sử dụng tro bay nhiệt điện để thay thế nguyên liệu sét trong sản xuất clinker xi măng (đến 100%) nhưng cần khống chế lượng các bon trong phối liệu thấp hơn 1,88%;



Quang cảnh cuộc họp của Hội đồng nghiệm thu có thể tăng hiệu quả nghiền phối liệu đối với máy nghiền bi; phối liệu dễ nung, dễ kết khối và chất lượng clinker có chiều hướng tốt hơn; có thể giảm nhiên liệu trong quá trình nung clinker; nhược điểm hiện tại là có thể làm tăng giá thành sản xuất clinker do giá tro bay và chi phí vận chuyển do tro bay có trọng lượng rất nhẹ.

Đánh giá về kết quả của đề tài, các chuyên gia phản biện của Hội đồng nhất trí với sự cần thiết phải nghiên cứu ứng dụng tro xỉ nhiệt điện làm nguyên liệu sản xuất xi măng, góp phần giảm khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nhóm đề tài đã nỗ lực và hoàn thành các nội dung nghiên cứu theo đề cương đã được phê duyệt. Kết quả của đề tài sẽ là tiền đề cho việc mở ra các nghiên cứu sâu hơn về ứng dụng tro bay trong sản xuất clinker xi măng.

Bên cạnh đó, các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng cũng chỉ ra cho nhóm đề tài một số nội dung cần hoàn thiện, đó là nghiên cứu sâu hơn cơ sở khoa học và thực tiễn để đưa ra các kết luận chuẩn xác về hiệu quả nghiền, hiện tượng tắc tháp trao đổi nhiệt, chỉ số giới hạn các bon dưới 1,88%, cần có biện pháp đánh giá vòng tuần hoàn kiềm...

Phát biểu kết luận, Chủ tịch Hội đồng Lê Trung Thành đồng tình với ý kiến của phản biện và các thành viên Hội đồng, đồng thời cho biết, sử dụng tro bay thay thế đất sét trong sản xuất clinker xi măng là hướng đi đúng, có tính khả thi. Tuy nhiên, để áp dụng kết quả nghiên cứu trong sản xuất công nghiệp trên dây chuyền

hiện đại cần phải có thêm các nghiên cứu thực nghiệm ở quy mô lớn hơn, trên cơ sở đó sẽ có thể đưa ra các đánh giá chính xác về khoa học và thực tiễn về hiệu quả sử dụng loại nguyên liệu này. Chủ tịch Hội đồng Lê Trung Thành đề nghị nhóm đề tài tiếp thu ý kiến của Hội đồng

để hoàn chỉnh báo cáo.

Kết quả của đề tài đã được Hội đồng thông qua với số điểm xếp loại Khá.

Minh Tuấn

## Nghiệm thu đề tài của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng (IBST)

Ngày 10/11/2016, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu chế tạo gạch tự chèn dùng xây tường nhà xã hội thấp tầng trong khu công nghiệp” mã số RD 98-2013 do TS. Trần Bá Việt cùng nhóm nghiên cứu Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng (Bộ Xây dựng) thực hiện. TS. Phạm Bá Hùng - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo TS. Trần Bá Việt - chủ nhiệm đề tài - gạch tự chèn là loại gạch xây không nung. Trên thế giới, quy trình sản xuất và sử dụng gạch không nung đã triển khai từ lâu ở quy mô công nghiệp, với các sản phẩm đa dạng về chủng loại, màu sắc, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường. Tại Việt Nam, những năm qua, tuy định hướng phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ rất khuyến khích đầu tư phát triển vật liệu xây không nung, hạn chế tối đa việc sử dụng nguyên liệu từ đất nông nghiệp, song thực tế cho thấy Việt Nam chưa có một công trình nghiên cứu đầy đủ về gạch không nung với kích thước lớn, độ rỗng cao, có khả năng cách âm cách nhiệt tốt, sử dụng nguyên vật liệu trong nước (có thể tận dụng cả phế thải nhiệt điện làm phụ gia khoáng thay một phần cát và xi măng trong sản xuất). Đề tài rất cần thiết, nhằm góp phần tìm ra lời giải cho bài toán vừa nêu.

Nhóm nghiên cứu đã tuân theo tiêu chí sử dụng tối đa các nguồn nguyên liệu sẵn có, nguyên liệu tại chỗ, rẻ tiền: cát vàng sông Lô và



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng

cát đen sông Hồng phù hợp với các yêu cầu của TCVN 7570:2006; đá mi Vĩnh Phúc phù hợp với TCVN 9205:2012... Sản phẩm của đề tài - gạch tự chèn 2 vách và 3 vách (gạch 2 vách và 3 vách cho tường dày 220 mm, và gạch 2 vách cho tường 110 mm theo module viên xây quy chuẩn hiện nay đối với xây tường bao che và tường ngăn), có độ rỗng lớn  $45 \div 62\%$ , dùng cho xây tường kết hợp khung cột bê tông cốt thép không cần ghép cốt pha, rất phù hợp với mô hình nhà xã hội thấp tầng và nhà thấp tầng trong khu công nghiệp. Trên cơ sở kích thước, hình dáng và cấu tạo của viên gạch tự chèn lựa chọn, nhóm đã thiết kế được khuôn đảm bảo kích thước và phù hợp với công nghệ sản xuất gạch tự chèn bằng phương pháp đúc rót. Ngoài ra, nhóm cũng đã nghiên cứu lựa chọn được thành phần bê tông cốt liệu nhỏ cường độ  $20\text{N/mm}^2$  để chế tạo gạch tự chèn phù hợp với công nghệ sản xuất trên cơ sở các loại nguyên liệu xi măng PCB 30, cát, đá mi, tro bay nhiệt điện. Các thử nghiệm cơ lý đối với 2

loại sản phẩm đều cho kết quả khả quan. Khối lượng tường gạch tự chèn 3 vách nhỏ hơn hoặc bằng  $800 \text{ kg/m}^3$ ; khối lượng tường xây gạch tự chèn 2 vách nhỏ hơn hoặc bằng  $1150 \text{ kg/m}^3$  - nhẹ hơn nhiều so với gạch đất nung đặc ( $1800 \text{ kg/m}^3$ ), gạch rỗng ( $1500 \text{ kg/m}^3$ ), gạch xi măng cốt liệu ( $1400 \text{ kg/m}^3$ ), giúp giảm đáng kể tải trọng lên cột và móng nhà.

TS. Trần Bá Việt cho biết: Gạch tự chèn 2 vách thế giới đã sản xuất và sử dụng nhiều trong xây dựng. Trong khuôn khổ đề tài, nhóm thực hiện chỉ tiến hành chế tạo và thử nghiệm các tính chất của gạch và tường xây từ loại gạch này để so sánh với loại gạch 3 vách được nghiên cứu và chế tạo lần đầu tại Việt Nam.

Qua các thử nghiệm, hiệu quả kinh tế - xã hội và kỹ thuật của sản phẩm gạch tự chèn 3 vách thể hiện rất rõ: do viên gạch có kích thước lớn và độ rỗng lớn nên lượng nguyên vật liệu sử dụng nhỏ; các viên gạch được xếp kín khít với nhau sẽ ít tốn vữa xây trát; khả năng liên kết cột - tường rất bảo đảm, nhóm nghiên cứu đã khắc phục tối đa hiện tượng nứt, tách tường với khung cột bê tông cốt thép. Khối xây từ gạch tự chèn 3 vách có khả năng tự ổn định cao nhờ liên kết ngầm giữa các viên gạch, đồng thời có khả năng cách nhiệt, cách âm, chống ẩm và chống cháy.

Các ủy viên phản biện và thành viên hội đồng (trong đó có đại diện cho các nhà sản xuất như công ty bê tông Bảo Quân, gạch Khang Minh) đều đánh giá cao các kết quả nghiên cứu của nhóm đề tài, cũng như tính khả thi áp dụng vào thực tế của các kết quả nghiên cứu. Theo Hội đồng, nhóm nghiên cứu đã đạt được nhiều thành công hơn cả nhiệm vụ ban đầu đặt ra - đó là đề xuất được quy trình sản xuất gạch tự chèn phù hợp với quy mô nhỏ phục vụ xây dựng nhà xã hội thấp tầng và nhà thấp tầng trong các khu công nghiệp, đảm bảo giảm chi phí nguyên vật liệu đầu vào, giảm nhân công, tăng tốc độ thi công. Đồng thời, nhóm cũng đề xuất được quy trình xây tường bằng gạch tự chèn cho nhà thấp tầng; lựa chọn hợp lý và có căn cứ các thành phần vữa xây, vữa trát; đề ra được phương pháp thi công khung cột sàn, giằng bê tông cốt thép kết hợp với gạch tự chèn làm khuôn cốp pha bảo đảm tính đồng bộ trong xây dựng, đảm bảo thi công lắp đặt đường điện, nước ngầm đơn giản hơn.

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu - TS. Phạm Bá Hùng hoàn toàn nhất trí với Hội đồng, nghiệm thu đề tài với kết quả bỏ phiếu xếp loại Xuất sắc.

Lệ Minh

## Ứng dụng công nghệ thông tin trong các doanh nghiệp thi công

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Xây dựng không những có thể điều chỉnh kết cấu nội bộ các doanh nghiệp xây dựng, cải thiện kỹ thuật và hạ tầng xây dựng, mà còn có thể hỗ trợ các doanh nghiệp tích lũy sức mạnh tổng thể, nâng cao sức cạnh tranh của mình.

**I. Công nghệ thông tin trong các doanh nghiệp xây dựng khá lạc hậu**

**1. Công nghệ thông tin trong các doanh nghiệp thi công**

Công nghệ thông tin trong doanh nghiệp là

hệ thống máy tính và các phần mềm ứng dụng được doanh nghiệp sử dụng trong quá trình vận hành quản lý nội bộ, thông qua kết nối mạng LAN (Local Area Network) giúp công ty hình thành một mạng liên kết. Hệ thống này có thể giúp mệnh lệnh của lãnh đạo công ty trực tiếp đến với người lao động và công việc của người lao động có thể trực tiếp được báo cáo tới lãnh đạo, hơn nữa các lớp quản lý trong công ty có thể nắm bắt toàn diện và quản lý giám sát được tiến độ của nhân viên cấp dưới.

**2. Ý nghĩa của quản lý công nghệ thông tin**



## **tin doanh nghiệp trong thi công xây dựng**

Ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp thi công xây dựng giúp thay đổi về phương thức quản lý của doanh nghiệp, chất lượng thi công của công trình cũng như tối ưu hóa phương án thi công, giúp nâng cao trình độ thi công công trình. Khác với các doanh nghiệp thông thường, doanh nghiệp thi công xây dựng có hiện trường tác nghiệp rộng, tính lưu động và tính không ổn định cao, cho nên khi tiến hành quản lý bằng công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp này sẽ làm phong phú về mặt nội hàm và nâng cao chất lượng quản lý của doanh nghiệp.

### **3. Tình hình phát triển công nghệ thông tin quản lý xây dựng**

Do các nguyên nhân như tính phức tạp, tính đặc thù... trong công nghệ thông tin quản lý xây dựng, cho nên nhiều doanh nghiệp đã nỗ lực đầu tư nhiều tiền của và nhân lực nhưng vẫn chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

## **II. Nguyên nhân khiến công nghệ thông tin trong doanh nghiệp thi công xây dựng phát triển chậm**

### **1. Tính đặc thù của ngành xây dựng**

Với các ngành nghề khác, nhân viên thông thường hoàn thành công việc trong văn phòng, địa điểm làm việc thường không phát sinh thay đổi, cũng không gặp phải tình huống bất ngờ, nội dung công việc cơ bản cố định. Tuy nhiên, với ngành xây dựng thì lại khác, nhân viên thi công trong ngành xây dựng có diện tích làm việc lớn, công việc mang tính lưu động nhất định, nội dung công việc hay thay đổi. Nhân viên làm việc trong các doanh nghiệp thông thường có số lượng cố định, mật độ người lao động thích hợp, trong khi nhân viên làm việc tại các doanh nghiệp thi công xây dựng lại có mật độ khá cao. Hệ thống kỹ thuật công nghệ truyền thống được thiết lập thông qua mạng lưới liên kết nội bộ trong công ty, giúp trao đổi thông tin công việc lẫn nhau. Tuy nhiên, tính giới hạn về khu vực và tính cố định về nhân viên của kỹ thuật công nghệ phổ thông khiến công nghệ

thông tin thực thi rất khó khăn trong các doanh nghiệp thi công xây dựng.

### **2. Trình độ công nghệ thông tin không cao**

Do thiếu đầu tư, đa phần các doanh nghiệp có trình độ phát triển công nghệ thông tin khá thấp. Thiết bị công nghệ được nhiều doanh nghiệp nhập về đều rất cơ bản, đơn nhất, thông thường chỉ có thể đảm nhận việc truyền tải thông tin nội bộ doanh nghiệp. Thiết bị kỹ thuật công nghệ tiêu chuẩn cao không những có thể tiến hành thông báo, truyền đạt nội dung công việc trong công ty, mà còn có tác dụng trong công tác quản lý nội bộ doanh nghiệp, quản lý giám sát tình hình công tác của nhân viên, giúp công ty nâng cao chất lượng quản lý.

### **3. Trình độ nhân viên còn thấp**

Trong nhiều doanh nghiệp xây dựng, kết cấu các bộ phận phụ trách công nghệ thông tin còn khá đơn nhất, chỉ có vài nhân viên tốt nghiệp chuyên ngành máy tính, thiếu kiến thức về mặt quản lý thông tin và thường chỉ thực hiện nhiệm vụ sửa chữa, bảo trì hệ thống máy tính đơn giản. Những nhân viên này đa số không thể giúp công ty trong việc vận hành và quản lý công trình, không thể giải quyết hiệu quả các vấn đề và khó khăn của công ty bằng công nghệ tiên tiến. Trong các doanh nghiệp thi công, nhân lực công nghệ thông tin hiện rất thiếu, do đó việc đào tạo bổ sung nhân lực công nghệ thông tin trong doanh nghiệp là việc làm cần thiết để nâng cao trình độ quản lý nội bộ.

### **4. Thiếu hệ thống quản lý hoàn thiện**

Mặc dù công nghệ thông tin đã được triển khai ở nhiều doanh nghiệp trong thời gian qua, nhưng vẫn trong trạng thái chậm chạp, kém phát triển, hơn nữa, các doanh nghiệp cũng thiếu coi trọng công nghệ thông tin, ít đầu tư về nhân lực, vật lực và tài lực cho công tác quản lý bằng công nghệ thông tin.

## **III. Biện pháp phát triển công nghệ thông tin trong thi công xây dựng**

### **1. Về tính đặc thù của ngành xây dựng**

Đối với tính lưu động đặc thù của các doanh nghiệp thi công xây dựng, nên ta cần dựa trên nền tảng kỹ thuật vốn có, kết hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp để thiết kế nên phương án quản lý phù hợp với thi công xây dựng, đồng thời tăng cường mở rộng phương án này. Một phương án khác có thể triển khai đó là điều chỉnh trình tự và kết cấu thi công sao cho việc thi công phù hợp với công tác quản lý bằng công nghệ thông tin.

## **2. Tập trung khai thác công nghệ thông tin**

Trọng điểm của công nghệ thông tin đó là sáng tạo và khai thác, không sáng tạo sẽ không tiến bộ. Để tiến bộ, các doanh nghiệp cần đầu tư tài chính nhằm xây dựng các nhóm nghiên cứu phát triển kỹ thuật công nghệ. Mục đích của các nhóm này là khai thác các kỹ thuật thông tin dưới sự lãnh đạo của doanh nghiệp, xác định rõ mục tiêu xây dựng công nghệ hóa doanh nghiệp và phương hướng phát triển, lấy tình hình phát triển tự thân của doanh nghiệp làm điểm xuất phát, kết hợp với những kinh nghiệm thành công đã có để khai thác các thiết bị quản lý công nghệ hóa cho doanh nghiệp. Thông qua thiết bị quản lý mới, phát triển quản lý công nghệ hóa tại doanh nghiệp và cải tiến không ngừng trong thực tiễn, hình thành nên hệ thống quản lý công nghệ hóa doanh nghiệp thi công xây dựng tiên tiến và hoàn thiện.

## **3. Tăng cường quản lý và nâng cao năng lực nhân viên**

Nhân viên là bộ phận cấu thành quan trọng

trong các doanh nghiệp thi công xây dựng, là người thực thi chủ đạo các công việc của doanh nghiệp. Vì vậy, việc quản lý nhân viên cũng cần được quy phạm hóa. Một mặt, doanh nghiệp cần phổ cập các kiến thức về quản lý thông tin hóa trong nội bộ, nâng cao trình độ nắm bắt về quản lý công nghệ hóa trong tất cả nhân viên, đặc biệt là các cán bộ quản lý. Mặt khác, doanh nghiệp cần tiến hành đào tạo các nhân viên về cách thao tác hệ thống công nghệ thông tin, giúp các nhân viên hiểu và nắm rõ nghiệp vụ.

## **4. Hoàn thiện quản lý công nghệ thông tin hóa trong doanh nghiệp xây dựng**

Công tác quản lý công trình xây dựng toàn diện và hiệu quả luôn có lợi cho việc tiến hành thi công suôn sẻ và an toàn. Một công trình an toàn không chỉ liên quan tới sự an toàn của những người lao động trong quá trình thi công, mà còn liên quan tới chức năng thực tế của công trình trong quá trình sử dụng. Trong quản lý công nghệ thông tin hóa tại các doanh nghiệp xây dựng, quản lý an toàn là một nhiệm vụ quan trọng, do đó các doanh nghiệp cần thiết lập chế độ thưởng phạt và đánh giá hợp lý để giúp các công nhân thi công xây dựng luôn tuân thủ quy tắc, quy phạm hành vi của bản thân trong quá trình thi công, từ đó nâng cao chất lượng công trình.

**Chu Mỹ Bình**

*Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc*

*Trung Quốc, số 14/2016*

**ND: Kim Nhạn**

## **Thiết kế vườn hoa hiện đại của phương Đông - những ảnh hưởng từ phương Tây**

Trong vòng hai thập kỷ gần đây, kiến trúc cảnh quan của các nước châu Á và phương Đông phát triển khá nhanh, bắt kịp và thậm chí “vượt qua” nhiều nước phương Tây. Tuy nhiên, sự phát triển nào cũng có hai mặt. Xu hướng dần mất đi bản sắc dân tộc thể hiện rất

rõ trong lĩnh vực kiến trúc.

Lịch sử nghệ thuật thiết kế các khu vườn - công viên của phương Đông đã có từ hơn ba nghìn năm trước. Những khu vườn mang phong cách Ả rập và Trung Hoa cổ đại đã có ảnh hưởng lớn tới sự ra đời của nghệ thuật thiết kế vườn -





Một khu vườn mang phong cách truyền thống của Trung Quốc

công viên của châu Âu, góp phần quan trọng định hình nét đặc trưng cũng như giải pháp thiết kế các khu vườn thời kỳ Phục Hưng, tiếp theo là thời kỳ Baroque (phong cách nghệ thuật bắt nguồn từ thời Phục Hưng Ý) và thời kỳ cổ điển (khoảng thế kỷ XVIII). Trong suốt giai đoạn này, mối liên quan giữa cảnh quan các công viên và khu vườn châu Âu với các khu vườn Trung Hoa là hiện thực không thể phủ nhận.

Tuy nhiên, ở thời điểm đó, những sự “giao thoa” của phương Tây với nghệ thuật vườn - công viên Trung Hoa chỉ dừng lại ở bề nổi, khi châu Âu muốn tìm kiếm các hình thức và giải pháp bố cục phù hợp cho thiết kế của mình. Một thái độ trân trọng đối với thiên nhiên, sự hiểu biết sâu sắc các mối tương quan trong vũ trụ, nhận thức con người như một phần tử nhỏ bé trong lòng thiên nhiên rộng lớn - đó mới là những thuyết căn bản cấu thành nên triết lý về vườn - công viên của người Trung Hoa; triết lý này không hề đồng hóa. Bởi châu Âu thời kỳ này với sự phát triển luận thuyết coi con người là trung tâm, đương nhiên chưa thể chấp nhận triết lý con người chỉ là yếu tố bổ trợ trong môi trường tự nhiên nổi bật của người phương Đông.

Cho dù vậy, nghệ thuật thiết kế vườn - công viên của phương Đông qua nhiều thế kỷ vẫn giữ vai trò là khởi nguồn cho các giải pháp và hình thức của các khu vườn châu Âu, khi lưu giữ được những đặc điểm riêng của mình.

Thực tế hiện đại đã thay đổi nhiều. Kiến trúc



Thiết kế Sengkang Sculpture Park (Singapore) có nét tương đồng...

cảnh quan hiện đại của châu Á đã xa rời đáng kể những giải pháp và phương tiện thiết kế truyền thống; nguyên nhân bởi tiến trình “Âu hóa” toàn cầu diễn ra tại châu Á bùng phát từ sau Thế chiến II. Cho tới ngày nay, quá trình này đã phủ khắp mọi lĩnh vực cuộc sống châu Á, trong đó có kiến trúc cảnh quan. Kết quả, đồng thời với sự xuất hiện ngày càng nhiều những khu vườn mang phong cách hitech hiện đại của châu Âu, những khu vườn lịch sử đậm chất phương Đông cũng được “thổi” vào phong cách nghệ thuật mới. Nhiều khu vườn phương Đông là “bản sao đích thực” của các khu vườn châu Âu. Nếu như trong hai thập kỷ cuối thế kỷ XX, tại các nước châu Á, những khu vườn và công viên được thiết kế theo truyền thống, thì bước sang thế kỷ XXI, xu hướng này đang mất dần. Phần lớn các khu vườn châu Á được thiết kế hiện nay đều có những mô típ dễ nhận thấy - đôi khi là trích đoạn trực tiếp từ những thiết kế hiện hữu, hoặc có khi là sự lặp lại phong cách của những công trình cảnh quan nổi tiếng của châu Âu và Mỹ.

Nghệ thuật kiến trúc vườn Nhật Bản và vườn châu Âu không chỉ rất khác nhau, mà thậm chí còn đối lập hoàn toàn về ý nghĩa, tư tưởng. Những khu vườn hay công viên châu Âu - đó là thiên nhiên được con người cải tạo, tượng trưng cho trí tuệ, ý chí và sự trân trọng của con người đối với một thế giới “hỗn loạn”. Đó luôn là thiên nhiên “được cải tạo”, “được trang điểm”, hiện



Thiết kế Joan Miro Park (Barcelona, Tây Ban Nha) thân như một điểm nhấn kiến trúc trong môi trường tự nhiên xung quanh con người. Kiến trúc cảnh quan vườn Nhật Bản truyền thống nổi bật ở ba khía cạnh: tỉ lệ thu nhỏ, chủ nghĩa tượng trưng và cảnh quan; vận dụng nghệ thuật xếp đá, sử dụng cát và sỏi để mô tả những dòng sông uốn lượn, đảo nhỏ... Những khu vườn truyền thống đậm phong cách kiến trúc cảnh quan của Nhật Bản luôn có một bầu không gian tĩnh lặng, yên bình đến trống trải. Đó thường là nơi trải nghiệm tâm linh, nơi để con người khám phá chính bản thân và tâm hồn mình; trái ngược hẳn với những khu vườn châu Âu rộng rãi, thường mang vẻ đẹp “phô trương”.

Một trong những ví dụ điển hình nhất cho xu hướng “Âu hóa” là khu vườn “Rừng nhân tạo làng Miroy” tại Nhật Bản. Được thiết kế năm 1998 và là bản sao ý tưởng từ các tác phẩm của kiến trúc sư thuộc thế hệ “hậu hiện đại” Chales Jencks, đây là một khu vườn trang trí gồm một hồ nhân tạo với 3 đảo nhỏ trên đó. Trên hòn đảo trung tâm đặt một đồng hồ mặt trời bằng kim loại mang ý nghĩa tượng trưng về mặt hình học. Thiết kế toàn bộ khu vườn là sự phối trộn các giải pháp và yếu tố của các khu vườn truyền thống và hiện đại của châu Âu. Đồng hồ mặt trời thường được đặt trong các công viên và khu vườn lớn của châu Âu, truyền thống này đã có từ thời cổ đại. Theo đó, đồng hồ mặt trời luôn được đặt tại vị trí trọng tâm bố cục, và có thể đặt nhiều hơn một chiếc đồng hồ, với các kích cỡ khác nhau. Trong khi đó, truyền thống thiết kế



Vườn hoa “Những tam giác nhảy múa” (Thượng Hải, Trung Quốc)

các khu vườn tại đất nước Mặt trời mọc không bao giờ có yếu tố “đồng hồ”. Bố cục tự do về mặt hình học; vận dụng tối đa các gam màu sáng; chú trọng hình thức về mặt hình học; sự lặp đặt có tính tượng trưng - đó chính là những đặc điểm trong thủ pháp thiết kế của các kiến trúc sư “hậu hiện đại”.

Bố cục của Sengkang Sculpture Park (Singapore) có sự tương đồng rõ nét với các công viên Gaudi Guell và Joan Miro tại Barcelona (Tây Ban Nha). Các bố cục “hậu hiện đại” đóng vai trò nâng cao chất lượng quy hoạch cảnh quan cụ thể thông qua việc ứng dụng các ý tưởng thiết kế phương Tây, có tính tới những đặc thù cảm quan và thẩm mỹ của phương Đông. Tuy nhiên, những sự pha trộn phong cách Đông - Tây đạt hiệu quả cao như Sengkang Sculpture Park còn khá hiếm hoi

Trong một không gian được quy hoạch, để chinh phục những khu vực công cộng “mở”, nghệ thuật kiến trúc cảnh quan phương Đông luôn xuất sắc vận dụng nhịp điệu hình học phá vỡ không gian trong thủ pháp thiết kế. Thủ pháp này đặc biệt hiệu quả tại những khu vực có kiến trúc “đồng tông, đồng dạng”, mà thiết kế vườn hoa “Những tam giác nhảy múa” tại Thượng Hải (Trung Quốc) là một ví dụ cụ thể.

Những giải pháp của chủ nghĩa hiện đại cho phép giải quyết tốt vấn đề không gian của các khu vực đa năng tại những nơi mật độ xây dựng dày đặc. Tại những nơi này, Sinh học và Chủ



*Trong công viên Red Ribbon (Trung Quốc)* nghĩa hiện đại thường kết hợp với nhau, đồng thời hỗ trợ việc tạo dựng hình ảnh hoàn chỉnh tương đồng với không gian xung quanh. Ví dụ tiêu biểu nhất cho giải pháp này là công viên Sungang Central Plaza (Thẩm Quyển, Trung Quốc). Thiết kế thành công nhất có vận dụng những truyền thống đặc thù của địa phương và làm nổi bật sự phù hợp của những đặc thù với thời đại là Red Ribbon Tanghe River Park China (hay còn gọi là công viên Dải băng đỏ) tại thành phố Tân Hoàng Đảo (tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc).

Trong những khu vườn Trung Hoa truyền thống, các bức tường đóng vai trò khá quan trọng. Các tường phân cách không gian, tạo nên hệ thống tiểu không gian, và hình thành tuyến đi “lắt léo” trên nền là thảm cỏ, hoa, đá theo những bố cục thẩm mỹ; tường còn làm phòng cho các “trò chơi” của bóng nắng. Các lối đi xuyên tường luôn hướng tầm nhìn của khách dạo chơi tới không gian kế bên và biến cả chuỗi không gian thành một bức tranh sống động. Trên các bức tường có thể ứng dụng bút pháp trang trí các bài thơ, danh ngôn hoặc các câu đối, lời chúc...

Chiếc ghế khổng lồ trong công viên Red Ribbon đóng vai trò là bức tường. Chiếc ghế không chỉ là yếu tố được tận dụng mà còn là một công trình nghệ thuật, hài hòa và thống nhất toàn bộ không gian vào một tổng thể. Được làm bằng sợi thủy tinh, chiếc ghế dài 500 m chạy dọc theo bờ sông và phát sáng màu đỏ



*Toàn cảnh Red Ribbon Tanghe Park China* vào ban đêm. Ghế cao 60 cm; chiều rộng thay đổi từ 30 - 150 cm.

Mục tiêu của thiết kế là bảo tồn môi trường sống tự nhiên dọc theo bờ sông Tanghe, đồng thời tạo ra những cơ hội mới về mặt giải trí và giáo dục môi trường. Chiếc ghế khổng lồ như một yếu tố sống động trong không gian mặt nước và thảm thực vật xanh, uốn lượn theo địa hình ven sông. Ở một địa phương mà tốc độ đô thị hóa rất cao là tỉnh Hà Bắc (Trung Quốc), Red Ribbon Tanghe river Park chính là địa điểm duy trì phong sinh thái - tự nhiên nguyên sơ rất tốt, đồng thời hòa hợp với nhu cầu của người dân địa phương.

Thiết kế công viên được thực hiện để tạo ấn tượng rằng: Sự can thiệp của con người vào cảnh quan tự nhiên tươi đẹp nơi đây chỉ duy nhất là đặt thêm vào một chiếc ghế. Hình thành từ một bãi chứa rác khổng lồ trước đây, công viên rất nổi tiếng này được nhiều người biết tới và thu hút lượng du khách ngày càng đông. Trong công viên, thoát nhìn không có một cái gì mang phong cách Trung Quốc. Song thực chất đây là một trong số ít công viên quảng bá rõ nét nhất mối liên quan giữa quá khứ và hiện tại, giữa truyền thống và đương đại Trung Hoa; nơi thể hiện sâu sắc nhất mối tương quan giữa con người và tự nhiên, cũng như sự cần thiết phải sáng tạo hài hòa với những quy luật của tự nhiên. Điều thú vị nhất là nếu quan sát từ độ cao nhất định, màu đỏ của “dải băng” nổi bật trên phong thiên nhiên xanh ngắt, khiến du khách



không khỏi liên tưởng tới hình ảnh bức tường cao dài bất tận của Vạn Lý Trường Thành.

Trong một khu vườn châu Âu, trọng tâm luôn là công trình kiến trúc trên nền cảnh quan tự nhiên; còn trong các khu vườn Trung Hoa kiến trúc chỉ đóng vai trò thứ yếu, bổ trợ cho không gian tự nhiên. Có thể nói, công viên Red Ribbon là biểu tượng của kiến trúc cảnh quan mang dấu ấn phong cách của cả phương Đông và phương Tây. Đó là một không gian được thiết kế theo những nguyên tắc cơ bản trong thiết kế vườn - công viên của cả Trung Hoa và châu Âu; và điều đặc biệt ở đây là các nguyên tắc này hài hòa và bổ sung cho nhau một cách tuyệt vời.

#### **Kết luận:**

Chịu ảnh hưởng từ quá trình Âu hóa toàn cầu, kiến trúc cảnh quan hiện đại tại một số quốc gia hàng đầu châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Singapore... đã dần mất đi bản sắc riêng của mình; điều này không chỉ thể hiện trong việc sao chép lại hoặc trích dẫn từ nguyên tác một phân đoạn nào đó của kiến trúc châu

Âu, mà còn ở việc xa rời dần các nguyên tắc thiết kế truyền thống.

Thuyết sinh tâm (hay vũ trụ trung sinh) khá đặc thù đối với lịch sử hình thành và phát triển hàng nghìn năm của những khu vườn phương Đông, ngày nay đang dần nhường chỗ cho mối quan hệ với cảnh quan thiên nhiên (trong đó coi con người là trung tâm) của các nước phương Tây. Những công trình cảnh quan nguyên sinh khiến các nhà kiến trúc, nhà thiết kế có thể hy vọng và tin tưởng vào một điều: Những truyền thống từ lâu đời và di sản to lớn sẽ không thể bị quên lãng. Một thời kỳ xây dựng những khu vườn - công viên mới của phương Đông đang mở ra, khi xu hướng kế tục những truyền thống của phương Tây trong kiến trúc cảnh quan phát triển mạnh tại Nhật Bản và Trung Quốc.

**Dormidontova V.V.**

*Nguồn: Tạp chí Tin tức MARKHI (Trường Đại học kiến trúc quốc gia Moskva) tháng 6/2016*  
**ND: Lê Minh**

## **Nghiên cứu kinh nghiệm cải tạo các công trình công nghiệp cũ tại nước Mỹ**

Trong xã hội ngày nay, công trình kiến trúc đã không đơn thuần là một loại hình thái không gian vật chất mà còn chuyển tải tinh thần. Công trình kiến trúc với những giá trị tinh thần lắng đọng trong nó đã cho chúng ta biết về một quá trình phát triển của một xã hội trong nhiều phương diện như nhân văn, kinh tế và chính trị. Những thiết kế chúng ta cảm thấy quen thuộc cũng đã phát sinh những thay đổi lớn lao trong xã hội hậu công nghiệp, trong đó sự thể hiện về mặt kiến trúc chính là chức năng tinh thần mà nó chứa đựng. Chức năng tinh thần này và chức năng vật chất của nó sẽ kết hợp với nhau, chứa đựng trong nhau. Công trình công nghiệp lịch sử có giá trị giáo dục lịch sử xã hội phổ biến đối với việc nhận thức về hoạt động công nghiệp

lịch sử, quá trình công nghiệp hoặc tình hình phát triển loại hình công nghiệp nào đó trong một thời kỳ nhất định.

### **I. Quá trình phát triển của các công trình công nghiệp cũ của Mỹ**

Từ cuối thế kỷ XIX, các nước phát triển tại Âu Mỹ đã bắt đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 2. Mô hình công nghiệp mới nổi với dấu mốc quan trọng là dây chuyền lắp ráp cơ khí của Henry Ford rất nhanh chóng đã được phổ cập tại nước Mỹ và tham gia vào tất cả các loại hình công nghiệp chế tạo, chủ yếu tại khu công nghiệp miền Trung nước Mỹ với trung tâm là Chicago và khu công nghiệp bờ biển phía Đông nước Mỹ với trung tâm là New York - Boston - Philadelphia. Hai khu công nghiệp này có

những ưu thế về địa lý riêng và đã tạo nền tảng vững chắc cho tiến trình công nghiệp hóa tại Mỹ. Sự phồn vinh về công nghiệp cũng đã trực tiếp củng cố địa vị bá chủ thế giới của Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ 2, loạt công trình kiến trúc công nghiệp tại đây có thể coi đã chứng kiến con đường phát triển nhanh chóng trong một khoảng thời gian ngắn ngủi của nước Mỹ. Cuối những năm 1970, cùng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 3, hiệu quả sản xuất xã hội được nâng cao, tỷ trọng ngành công nghiệp giảm mạnh, chi phí lao động trong nước Mỹ gia tăng, ngành chế tạo bắt đầu chuyển dịch sang các nền kinh tế mới nổi tại Châu Á với Trung Quốc là chủ đạo, một số lượng lớn các nhà xưởng cũ còn sót lại đã trở thành vật cản lớn cho sự phát triển của đô thị. Công việc tháo dỡ không chỉ gây tốn kém về chi phí cho các nhà khai thác mà rác thải xây dựng sản sinh còn phá hoại môi trường xung quanh. Dưới sự kích lệ của các chính sách thuế của chính phủ, rất nhiều nhà khai thác đã lựa chọn cách lưu giữ các kết cấu xây dựng chính và chỉ tiến hành cải tạo bên trong và bên ngoài công trình. Cách này không những tiết kiệm được chi phí phá dỡ mà hơn nữa do các công trình công nghiệp có không gian bên trong rộng rãi, các chủ sở hữu lại cảm thấy thoải mái hơn. Biện pháp này sở dĩ được tiếp tục thực hiện cho tới ngày nay bởi các công trình công nghiệp sau cải tạo không những đều vượt trên các công trình hiện đại truyền thống về mỹ quan thị giác tới cảm nhận về không gian, mà hơn nữa các nhà khai thác sẽ được thỏa mãn hơn về các lợi ích kinh tế. Người dân yêu thích việc cải tạo các công trình lịch sử, các nhà khai thác có thể thu được tiền thuê và giá bán cao hơn so với công trình truyền thống. Mặt khác, sự tăng trưởng về dân số và kinh tế tại các thành phố Âu Mỹ khá ổn định cho nên việc cải tạo đối với các công trình lịch sử vốn có vừa thỏa mãn nhu cầu về dân số bản địa mà lại thu được nhiều lợi ích về kinh tế. Nước Mỹ có lịch sử ngắn, tài nguyên

lịch sử rất ít, cho nên ngày nay nước Mỹ rất coi trọng việc bảo vệ các công trình lịch sử. Các cấp chính quyền đều đã ban hành các quy định pháp luật về quyền hạn của các nhà khai thác và các cơ quan quản lý giám sát. Tại Mỹ, công trình lịch sử cũng có thể phân thành công trình văn hóa có giá trị lịch sử khá cao (các công trình này không được phép cải tạo, chỉ để thăm quan) và các công trình lịch sử thông thường. Các công trình lịch sử tại Mỹ đều cần thông qua sự thẩm duyệt của hệ thống nghiêm ngặt mới có thể được công nhận, bất kỳ nhà khai thác và cá nhân nào đều không có quyền tiến hành cải tạo đối với công trình. Nếu như nhà khai thác muốn tiến hành cải tạo công trình, toàn bộ quá trình cải tạo đều sẽ bị ủy ban quản lý công trình địa phương giám sát, kiểm soát nghiêm ngặt. Tại khu vực cộng đồng có nhiều công trình lịch sử, để thống nhất bảo vệ phong cách của đô thị, chính quyền địa phương sẽ không cho phép thay đổi về ngoài của các công trình lịch sử, việc làm mới và tu sửa đều cần đối chiếu với tài liệu lịch sử, điều này giúp công trình có thể bảo toàn được vẻ ngoài giống như ban đầu.

## **II. Thực tế cải tạo các công trình công nghiệp cũ tại Mỹ**

### **1. Trung tâm Thiết kế Boston**

Tại Mỹ, các công trình công nghiệp cũ đa phần xuất hiện tại các đô thị lớn ven bờ biển phía Đông - nơi có lịch sử khá lâu đời. Những đô thị này có lượng dân số tập trung đông, giá trị đất đai rất cao, đồng thời do có sự tập trung thực lực cho việc giáo dục và nghiên cứu khoa học, các công ty khoa học kỹ thuật và nghệ thuật mới nổi đều tập trung tại đây. Sự phát triển của đô thị và sự chuyển đổi của các ngành công nghiệp khiến các khu công nghiệp dần dần bị thu hẹp, kéo theo đó là nhu cầu mạnh mẽ của các doanh nghiệp về các không gian văn phòng cao cấp. Dưới mâu thuẫn này, việc cải tạo các công trình công nghiệp cũ đã trở thành xu hướng lớn. Tọa lạc ở phía Nam trung tâm thành phố Boston, trung tâm thiết kế

Boston là một trong những ví dụ điển hình về các công trình công nghiệp cũ được cải tạo.

Trung tâm thiết kế Boston trước đây được Bộ Quốc phòng Mỹ xây dựng vào năm 1918 với công trình chính 8 tầng với không gian rất rộng. Mục đích xây dựng ban đầu là cung cấp kho bãi chứa đạn dược và hậu cần cho quân đội Mỹ đóng tại Boston. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới II, 50 nghìn nhân công không quân ngày đêm tiến hành tu sửa, bảo trì các chiến hạm tại đây và sản xuất các loại vật tư phục vụ quân đội. Việc lựa chọn địa điểm cũng như thiết kế của công trình đều thể hiện rõ nhu cầu đặc thù trong việc sản xuất và vận tải. Năm 1983, Chính quyền thành phố Boston đã mua lại công trình này từ hải quân Mỹ, từ đó công trình còn được gọi là khu công nghiệp ven biển Boston. Cuối thế kỷ XX, nền công nghiệp khoa học kỹ thuật cao phát triển mạnh mẽ tại Mỹ, không gian văn phòng rộng rãi tại khu vực đã thu hút được số đông các doanh nghiệp. Trung tâm thiết kế Boston với tổng diện tích 140 nghìn m<sup>2</sup> đã dần trở thành điểm tập trung chủ yếu của các công ty dịch vụ như thiết kế, nghiên cứu, khoa học kỹ thuật cao..., đồng thời do đặc điểm độc đáo mang nội hàm lịch sử cũng như không gian bên trong rộng rãi, tiện lợi, công trình công nghiệp này đã thu hút rất nhiều các doanh nghiệp chuyển từ trung tâm thành phố Boston tới.

Về mặt thiết kế, công trình đã lưu giữ vẻ ngoài và kết cấu vốn có của mình, đồng thời phân chia thành khu văn phòng tư nhân và khu hoạt động công cộng một cách có trật tự. Công trình có chiều cao 6m tại mỗi tầng và có hành lang rộng tới 5m, người sử dụng cho mục đích làm văn phòng hay dùng làm nơi nghỉ ngơi cũng đều cảm thấy thoáng đãng và thoải mái. Về mặt lựa chọn vật liệu, nhà thiết kế đã cố gắng lưu giữ trạng thái vốn có của công trình, mặt tường và mặt nền tại khu vực công cộng đều là bê tông trơ thông thường, không có bất cứ sự trang trí bao phủ nào. Trên tấm trần bê

tông treo các loại đường ống và đều được quét màu trắng tương đồng với tấm trần, đồng thời làm giảm độ cao của tầng. Tất cả giúp hình thành nên sự đối lập rõ rệt giữa các đồ gia dụng màu trắng và cách bài trí đồ thủ công nhiều màu sắc tinh tế theo phong cách Bắc Âu trong khu văn phòng tư nhân. Đã xảy ra sự va chạm trong cùng một không gian giữa hai thời đại, vừa là sự tôn trọng và lưu giữ của con người với lịch sử, cũng vừa là sự thỏa hiệp và chào đón với hiện thực, mỗi phong cách đều thể hiện cá tính riêng của mình. Trong bối cảnh được bao quanh bởi rất nhiều các công trình văn phòng hiện đại được bao phủ bởi tường kính, trung tâm thiết kế Boston bỗng trở nên sang trọng và nổi bật với thiết kế độc đáo của mình.

## 2. Thư viện Đại học Harvard, Mỹ

Trường Đại học Harvard kế thừa và lưu giữ phong cách kiến trúc của Châu Âu, tuy nhiên, theo thời gian, công trình này cũng dần không bắt kịp với những nhu cầu thay đổi từng ngày của con người. Thư viện trường Harvard là một trong những ví dụ điển hình nhất về vấn đề này. Công trình thư viện được xây dựng từ năm 1927, trải qua gần 1 thế kỷ sử dụng, bên trong và bên ngoài của công trình đều trở nên cũ kỹ, diện tích nhỏ hẹp cũng đã cản trở sự mở rộng và phát triển của thư viện.

Năm 2010, Đại học Harvard bắt đầu tiến hành mở rộng cải tạo thư viện. Hạng mục này do kiến trúc sư nổi tiến Renzo Piano phụ trách. Phương án cải tạo mở rộng dựa trên cơ sở tôn trọng diện mạo vốn có của công trình, bên trên và phía chính diện của công trình sẽ sử dụng thêm các tường ngoài bằng kim loại và kính mang phong cách hiện đại. Cách làm này không những có thể lưu giữ hoàn chỉnh diện mạo của công trình lịch sử, mà còn khiến bộ phận được mở rộng hình thành sự tương phản về hình thái với bộ phận đã có, từ đó tác động mạnh mẽ vào thị giác của người xem. Biện pháp này thông qua sự tương phản để làm nổi bật đặc điểm của công trình lịch sử vốn có và giúp người



tham quan, người sử dụng quan tâm hơn tới các công trình lịch sử. Bộ phận mở rộng của thư viện có tổng diện tích 21 nghìn m<sup>2</sup>. Bộ phận này sử dụng một lượng lớn kính, giúp thư viện có nguồn ánh sáng phong phú. Ba tầng bên dưới của công trình được lưu giữ như vốn có, đồng thời được bổ sung ứng dụng các vật liệu hiện đại, tầng mái thực hiện thiết kế với kính trong suốt kết hợp với kết cấu thép. Không gian công cộng với 6 tầng được phân chia thành phòng trưng bày các tác phẩm nghệ thuật, trung tâm giáo dục nghệ thuật, giảng đường và lớp học. Tại tầng 6 cao nhất của công trình, quang cảnh của thành phố sẽ được nhìn ngắm dễ dàng qua lớp kính trong suốt, không gian công cộng ở bên trong thư viện cũng có thể quan sát thuận tiện, điều này khiến mọi người thu được những cảm giác trực quan hết sức ấn tượng.

### III. Nghiên cứu và đánh giá

#### 1. Coi trọng quản lý hậu kỳ

Một hạng mục cải tạo thành công không chỉ cần nắm chắc kiểm soát đối với việc thi công, thiết kế, quan trọng hơn là việc quản lý hậu kỳ hạng mục, nếu xử lý không phù hợp sẽ phá hoại ý đồ của nhà thiết kế và nhà khai thác. Để giải quyết vấn đề này, trong khai thác và quản lý cần phối hợp chặt chẽ. Một tác phẩm thiết kế tốt nếu không được bảo vệ hiệu quả sau thời gian dài sử dụng sẽ mất đi ý nghĩa thiết kế và bộc lộ sự chưa hợp lý trong cách quản lý của nhà khai thác. Ngoài ra, việc quản lý hậu kỳ cũng cần quy định và ngăn chặn sự phá hoại từ

người sử dụng đối với thiết kế ban đầu.

#### 2. Thiết lập cơ chế đánh giá và bảo vệ lập pháp

Việc thiết lập cơ chế và các quy định pháp luật trong đánh giá giá trị của công trình lịch sử cũ là hết sức quan trọng. Chính phủ Mỹ đã đưa ra một loạt biện pháp khích lệ bảo vệ các công trình lịch sử để giúp các nhà khai thác có được nhiều miễn giảm về thuế và được hỗ trợ từ chính phủ trong việc cải tạo các công trình lịch sử. Chính điều này đã giúp các công tác cải tạo các công trình lịch sử tại Mỹ luôn phát triển lành mạnh.

#### 3. Thúc đẩy sự tham gia của quần chúng nhân dân

Sự tham gia của quần chúng nhân dân là cách làm rất phổ biến trong việc cải tạo các công trình lịch sử tại Mỹ. Từ các công trình có quy mô lớn của chính phủ tới các công trình nhà ở cá nhân, việc cải tạo đều cần thông qua ý kiến của cộng đồng. Biện pháp này một mặt nâng cao ý thức công dân của người dân, lại vừa có lợi cho việc tuyên truyền về hạng mục, giúp xã hội quan tâm hơn tới các công trình lịch sử, làm gia tăng mối quan hệ nhân văn giữa cộng đồng và công trình lịch sử.

Hữu Dật

Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc Trung Quốc, số 17/2016

ND: Kim Nhạn

## Thiểm Tây xây dựng công nghiệp xanh, đô thị xanh

Tỉnh Thiểm Tây là tỉnh trọng điểm về bảo vệ sinh thái, khu vực bảo vệ nguồn tài nguyên nước quan trọng và khu vực bảo tồn sinh thái của Trung Quốc. Thiểm Tây đang đối diện với những vấn đề thực tế về giảm khả năng bảo vệ môi trường sinh thái và gặp khó khăn lớn trong việc điều chỉnh kết cấu, từ đó tỉnh đã đưa ra mục tiêu phát triển xây dựng Thiểm Tây mỹ lệ, hài hòa và giàu mạnh. Những năm gần đây, về mặt

xây dựng đô thị xanh, tỉnh Thiểm Tây đã tích cực phát triển xây dựng xanh, xây dựng môi trường dân cư sinh thái xanh, trong đó, tập trung tiết kiệm năng lượng, xây dựng hệ thống công nghiệp xanh là một trong những bước đi lớn.

#### 1. Thúc đẩy mở rộng phát triển vật liệu xây tường kiểu mới

Sở Xây dựng đô thị nông thôn và nhà ở tỉnh Thiểm Tây đã ban hành “Điều lệ ứng dụng phát

triển vật liệu xây tường kiểu mới của tỉnh Thiểm Tây”, từng bước thúc đẩy ứng dụng phát triển vật liệu xây tường từ những thành phố vừa và lớn hướng tới các thành phố vừa và nhỏ, ngăn cấm việc sử dụng gạch đặc, đất sét nung. Hiện nay đã có 72 khu vực thực hiện nhiệm vụ mục tiêu không sử dụng gạch đất sét nung. Ngoài ra tỉnh Thiểm Tây còn tổ chức thực hiện 90 “Dự án kiểu mẫu về sản xuất vật liệu xây tường mới” cấp tỉnh, xây dựng hơn 50 dây chuyền sản xuất vật liệu tường mới, tăng lượng sử dụng rác thải xây dựng, xỉ quặng và xỉ than... lên hơn 2 triệu tấn, quy mô phát triển vật liệu tường xây mới đạt tới công suất hàng năm lên tới 7,6 tỷ viên gạch tiêu chuẩn, chiếm tỷ lệ sản xuất vật liệu tường xây mới đạt tới 63,9%, hàng năm có thể tiết kiệm được 36.000 mẫu đất, tiết kiệm được 1.377.600 tấn than tiêu chuẩn, tổng hợp sử dụng được 21.790.000 tấn chất thải công nghiệp, giảm được 3.609.000 tấn khí thải.

## **2. Thị công xanh, nâng cấp trình độ phát triển ngành công nghiệp xây dựng**

Thay đổi phương thức phát triển quảng canh của ngành công nghiệp xây dựng là thúc đẩy yêu cầu đô thị hóa loại hình mới. Tỉnh Thiểm Tây đã nắm chắc các khâu quan trọng như cách sản xuất xây dựng, thay đổi sản phẩm xây dựng và đổi mới kỹ thuật tổng hợp..., nỗ lực phát triển về các mặt nổi bật như thúc đẩy cơ chế, chính sách của ngành công nghiệp sản xuất, hệ thống xây dựng và hệ thống phụ tùng... Thiết lập đưa ra 6 mục tiêu chuẩn, tổ chức quan sát hoạt động xây dựng của công trình thi công xanh, kích thích động lực bên trong quá trình phát triển xanh của doanh nghiệp xây dựng. Từ năm 2011 đến năm 2013, đã hoàn thành 27.470.000 m<sup>2</sup> của 383 công trình kiểu mẫu về thi công xanh cấp tỉnh, 17 công trình thông qua đánh giá nghiệm thu đạt được tiêu chuẩn tốt. Hoàn thành 24 công trình

kiểu mẫu thi công xanh của ngành xây dựng quốc gia, trong đó có 2 công trình được quốc gia thông qua nghiệm thu. Thúc đẩy thi công cải tạo 1 lần đối với nhà ở thương mại, mỗi năm có thể thực hiện cải tạo trên 1.000.000 m<sup>2</sup>.

## **3. Đổi mới kỹ thuật, xây dựng hệ thống hỗ trợ kỹ thuật phát triển xanh**

Tỉnh Thiểm Tây nhằm vào nhu cầu xây dựng đô thị nông thôn làm mục tiêu, dựa vào chính quyền và cơ cấu doanh nghiệp cùng nghiên cứu khoa học làm chủ thể, tiến hành triển khai nghiên cứu dự án về nhiều mặt như quy hoạch đô thị, quản lý xây dựng và ứng dụng kỹ thuật..., mẫu thí điểm, xúc tiến đổi mới kỹ thuật. Tổ chức triển khai phát triển xây dựng công trình mẫu theo 3 cấp là cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp thị. Từ năm 2010 đến nay, công trình kiểu mẫu về khoa học kỹ thuật xây dựng cấp tỉnh đạt tới 223 dự án. Đồng thời Sở Xây dựng đô thị nông thôn và nhà ở tỉnh Thiểm Tây nhằm vào những lĩnh vực kỹ thuật trọng điểm như nguyên vật liệu xây tường mới và tiết kiệm năng lượng xây dựng, khai thác sử dụng nguồn tài nguyên nước và tiết kiệm nước..., thúc đẩy nghiên cứu và đổi mới kỹ thuật.

## **4. Phát triển sản xuất công nghiệp hóa nguyên vật liệu xây dựng xanh**

Tỉnh Thiểm Tây lựa chọn chiến lược phát triển thương hiệu hóa sản phẩm, bản quyền sáng chế kỹ thuật, khu sản xuất công nghiệp; đầu tư công trình sẽ nghiêng về những doanh nghiệp có ưu thế; nỗ lực nâng cấp trình độ phát triển bản địa hóa, thâm canh hóa và quy mô hóa của ngành sản xuất nguyên vật liệu xây dựng.

**Hồ Di**

Theo báo điện tử xây dựng Trung Quốc  
<http://www.chinanews.com/>

**ND: Khánh Ly**

## **Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tiếp Đại sứ Cu Ba Herminio Lopez Diaz**

Ngày 9/11/2016, tại trụ sở Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đã có buổi tiếp và làm việc với ông Herminio Lopez Diaz - Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Cu Ba tại Việt Nam.

Tại buổi làm việc, Đại sứ Herminio Lopez Diaz thông báo với Bộ trưởng Phạm Hồng Hà về việc Thủ đô Lahabala đang tích cực chuẩn bị những điều kiện tốt nhất cho chuyến thăm Cu Ba của Chủ tịch nước Việt Nam Trần Đại Quang và kỳ họp sắp tới của Ủy ban Liên Chính phủ (UBLCP) Việt Nam - Cu Ba. Bên cạnh đó, phòng Thương mại nước ngoài Cu Ba cũng đã sẵn sàng tổ chức diễn đàn doanh nghiệp với sự tham gia của đồng đảo doanh nghiệp Việt Nam.

Trong thời gian tham dự kỳ họp của UBLCP Việt Nam - Cu Ba tại Cu Ba, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà với vai trò là Chủ tịch phân ban Việt Nam sẽ tham dự nhiều cuộc hội đàm với các Bộ, ngành của Cu Ba về những lĩnh vực hợp tác giữa 2 nước, Đại sứ Herminio Lopez Diaz cho biết, Bộ Ngoại thương Cu Ba đã phối hợp với Đại sứ quán Việt Nam tại Cu Ba chuẩn bị đầy đủ những điều kiện cần thiết để chuyến thăm, làm việc của Bộ trưởng Phạm Hồng Hà diễn ra thành công tốt đẹp.

Đại sứ Herminio Lopez Diaz cho biết, hiện nay dự án hợp tác của Tổng công ty VIGLACERA - CTCP tại Cu Ba đang được triển khai tốt, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án cũng được Cu Ba chú trọng giải quyết, nhằm tạo điều kiện cho VIGLACERA tăng cường hợp tác với các đơn vị của Cu Ba.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà bày tỏ sự vui mừng khi đón tiếp Đại sứ Herminio Lopez Diaz đến thăm, làm việc với Bộ Xây dựng, đồng thời cảm ơn Đại sứ và Đại sứ quán Cu Ba tại Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với Bộ Xây dựng trong việc chuẩn bị những nội dung cho kỳ họp của UBLCP Việt Nam - Cu Ba trong thời gian tới.



*Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tiếp Đại sứ Cu Ba  
tại Việt Nam Herminio Lopez Diaz*

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết, chuyến thăm Cu Ba của Chủ tịch nước Trần Đại Quang diễn ra cùng thời gian của kỳ họp của UBLCP Việt Nam - Cu Ba là một sự kiện có ý nghĩa quan trọng, nhằm thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Cu Ba.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà nhấn mạnh, việc đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động của UBLCP Việt Nam - Cu Ba là đặc biệt quan trọng. Bộ trưởng mong muốn trong thời gian tới, UBLCP Việt Nam - Cu Ba sẽ có những đổi mới về phương pháp, cách thức tiếp cận với các vấn đề cần giải quyết, nhằm nâng cao hiệu quả và tính thiết thực trong các lĩnh vực hoạt động của UBLCP Việt Nam - Cu Ba, đồng thời đưa UBLCP Việt Nam - Cu Ba trở thành cầu nối quan trọng của doanh nghiệp 2 nước trong việc đẩy mạnh giao lưu, hợp tác.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết, trong thời gian tới, Bộ Xây dựng sẽ tăng cường gặp gỡ, trao đổi với các đơn vị, Bộ, ngành của Cu Ba, trước hết là với Đại sứ quán Cu Ba tại Việt Nam về các lĩnh vực 2 bên cùng quan tâm.

Cũng tại buổi gặp này, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà mong muốn Cu Ba xem xét, đẩy nhanh tiến độ hợp tác với Việt Nam trên một số lĩnh vực cụ thể đã được 2 bên trao đổi nhằm đưa ra các dự án hai bên đã có sự thống nhất

cao, để tổ chức ký kết tại kỳ họp của UBLCP Việt Nam - Cu Ba sắp tới, tạo điểm nhấn cho kỳ họp cũng như tạo cột mốc cho chuyến thăm Cu

Ba của Chủ tịch nước Trần Đại Quang.

Trần Đình Hà

## **Bộ Xây dựng phổ biến Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá và hướng dẫn xây dựng môi trường không khói thuốc tại nơi làm việc**

Ngày 2/11/2016, tại Trung tâm Điều dưỡng, phục hồi chức năng Sầm Sơn (tỉnh Thanh Hóa), Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị Tuyên truyền, phổ biến Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá và hướng dẫn xây dựng môi trường không khói thuốc tại nơi làm việc.

Dự Hội nghị có ông Đỗ Duy Hiên - Phó Chánh Văn phòng Bộ Xây dựng, thành viên BCĐ Phòng, chống tác hại của thuốc lá Bộ Xây dựng, ông Tống Văn Thống - Giám đốc Trung tâm Điều dưỡng, phục hồi chức năng Sầm Sơn, Tiến sĩ Đặng Hùng Minh - Trung tâm Hô hấp (Bệnh viện Bạch Mai), Thạc sĩ Nguyễn Thùy Linh - chuyên gia Quỹ Phòng, chống tác hại của thuốc lá (Bộ Y tế) và 150 đại biểu đến từ các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng.

Phát biểu tại Hội nghị, ông Đỗ Duy Hiên cho biết: Thực hiện Chương trình hành động năm 2016 của Quỹ Phòng, chống tác hại của thuốc lá, BCĐ Phòng chống tác hại của thuốc lá Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị Tuyên truyền, phổ biến Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá và hướng dẫn xây dựng môi trường không khói thuốc tại nơi làm việc, với mục tiêu tuyên truyền về tác hại của thuốc lá, các quy định của Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên trong các cơ quan, đơn vị, trường học, bệnh viện (trực thuộc Bộ Xây dựng) về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe cộng đồng. Thông qua đó, góp phần làm thay đổi hành vi hút thuốc lá của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên, giúp giảm thiểu tác hại của việc

sử dụng thuốc lá đối với sức khỏe con người.

Ông Đỗ Duy Hiên đánh giá: Trong những năm qua, các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng, trong đó có Trung tâm Điều dưỡng phục hồi chức năng Sầm Sơn đã tích cực triển khai, thực hiện có hiệu quả Chương trình Phòng, chống tác hại của thuốc lá. Bên cạnh đó, các phương tiện truyền thông của ngành Xây dựng như: Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng, Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng đã lập các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

Nói về tác hại của thuốc lá, ông Đỗ Duy Hiên trích dẫn thông tin từ Điều tra toàn cầu năm 2015, cho biết: Tác hại của việc sử dụng thuốc lá đã trở thành thách thức nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, kinh tế của từng gia đình, xã hội và đất nước. Trên thế giới hiện có 1,3 tỷ người hút thuốc lá. Tại Việt Nam, tỷ lệ nam giới trưởng thành hút thuốc lá là 47,4%, nữ giới là 1,4%, và có khoảng 40.000 người tử vong do các bệnh có liên quan đến thuốc lá, chưa kể những tác hại không nhỏ đến sức khỏe của 70% phụ nữ, 50 % trẻ em do hít khói thuốc lá thụ động của người trong gia đình hút thuốc lá ở trong nhà. Việt Nam nằm trong nhóm 15 nước có người hút thuốc lá nhiều nhất trên thế giới.

Trình bày báo cáo tại Hội nghị, Tiến sĩ Đặng Hùng Minh cho biết: Mỗi năm ở Việt Nam có khoảng 40.000 người chết vì các bệnh có liên quan đến thuốc lá. Người hút thuốc lá dù là chủ động hay bị động thì trong cơ thể lúc nào cũng thiếu oxy, hình thành nên xơ vữa trong mạch máu, dẫn đến nguy cơ mắc các bệnh về não, tim. Trong khói thuốc lá có 69 chất chứa các hợp chất





*Ông Đỗ Duy Hiển phát biểu tại Hội nghị*

thơm có vòng đóng như Benzopyrene có tính chất gây ung thư. Các hợp chất này tác động lên tế bào bề mặt của đường hô hấp gây nên tình trạng viêm mãn tính, phá hủy tổ chức, biến đổi tế bào dẫn đến dị sản, loạn sản rồi ác tính hóa.

Cũng tại Hội nghị, Thạc sĩ Nguyễn Thùy Linh cho biết, trước những ảnh hưởng nghiêm trọng về sức khỏe và kinh tế do tác hại của thuốc lá gây ra, ngày 11/11/2004, Chính phủ Việt Nam đã phê chuẩn Công ước Khung về Kiểm soát thuốc lá của Tổ chức Y tế thế giới. Công ước đã có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 17/3/2005. Tiếp đó, Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá đã được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 18/6/2012 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/5/2013. Chiến lược quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020 và hàng loạt văn bản pháp quy để cấp thiết thực thi Luật cũng đã được ban hành.

Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá quy định: Mọi công dân có quyền được sống, làm việc trong môi trường không có khói thuốc lá; yêu cầu người hút thuốc lá không hút thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm hút thuốc lá; vận động, tuyên truyền người khác không sử dụng thuốc lá, cai nghiện thuốc lá; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người có hành vi hút thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm hút thuốc lá; phản ánh hoặc tố cáo cơ quan, người có thẩm quyền không xử lý hành vi hút thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm hút thuốc lá.

Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá quy định rõ các hành vi bị nghiêm cấm như sau: Sản



*Quang cảnh Hội nghị*

xuất, mua bán, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển thuốc lá giả, sản phẩm được thiết kế có hình thức hoặc kiểu dáng như bao, gói hoặc điều thuốc lá; mua bán, tàng trữ, vận chuyển nguyên liệu thuốc lá, thuốc lá nhập lậu; quảng cáo, khuyến mại thuốc lá; tiếp thị thuốc lá trực tiếp tới người tiêu dùng dưới mọi hình thức; tài trợ của tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc lá, trừ trường hợp quy định tại Điều 16 của Luật này; người chưa đủ 18 tuổi sử dụng, mua, bán thuốc lá; người chưa đủ 18 tuổi mua, bán thuốc lá; bán, cung cấp thuốc lá cho người chưa đủ 18 tuổi; bán thuốc lá bằng máy bán thuốc lá tự động; hút, bán thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm; sử dụng hình ảnh thuốc lá trên báo chí, xuất bản phẩm dành riêng cho trẻ em; vận động, ép buộc người khác sử dụng thuốc lá.

Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá cũng quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương trong phòng, chống tác hại của thuốc lá, bao gồm: Đưa nội dung phòng, chống tác hại của thuốc lá vào kế hoạch hoạt động hàng năm, quy định không hút thuốc lá tại nơi làm việc vào quy chế nội bộ; đưa quy định về việc hạn chế hoặc không hút thuốc lá trong các đám cưới, đám tang, lễ hội trên địa bàn dân cư vào hương ước; gương mẫu thực hiện và vận động cơ quan, tổ chức, địa phương thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

**Trần Đình Hà**



## **Diễn đàn hợp tác Phần Lan - Việt Nam “Cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn” và Hội thảo “Giảm thất thoát nước sạch - thách thức và cơ hội”**

Ngày 8/11 tại thành phố Hồ Chí Minh, dưới sự bảo trợ của Bộ Xây dựng và Bộ Ngoại giao Phần Lan, Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng và Chương trình nước và vệ sinh tại các thị trấn nhỏ của Việt Nam do Chính phủ Phần Lan tài trợ đã tổ chức Hội nghị Diễn đàn hợp tác Phần Lan - Việt Nam “Cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn” và Hội thảo “Giảm thất thoát nước sạch - thách thức và cơ hội” với sự tham gia của Đại sứ quán Phần Lan tại Việt Nam, các chuyên gia trong nước và quốc tế, các Sở Xây dựng địa phương, các doanh nghiệp của Việt Nam và Phần Lan trong ngành nước và xử lý chất thải rắn.

Trong phần đầu của Hội nghị, đại diện Bộ Xây dựng, Cục trưởng Cục hạ tầng kỹ thuật - PGS.TS Nguyễn Hồng Tiến đã trình bày Báo cáo tổng quan về ngành nước, vệ sinh môi trường và nhu cầu đầu tư phát triển.

Theo Báo cáo, tính đến tháng 11/2016 cả nước ta có khoảng 800 đô thị, tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc đạt khoảng trên 36,6%, khu vực đô thị hàng năm đóng góp khoảng 70 - 75% GDP.

Trong lĩnh vực cấp nước, cả nước có hơn 500 hệ thống cấp nước đô thị với tổng công suất thiết kế đạt 7,65 triệu m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tỷ lệ dân cư đô thị được cung cấp nước qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 83%; 70% hệ thống cấp nước đô thị đảm bảo cấp nước 24/24h, 30% còn lại cấp 8 - 20h/ngày đêm; tỷ lệ thất thoát nước sạch bình quân 24,5%. Hiện có khoảng 20 đô thị đã lập và phê duyệt quy hoạch chuyên ngành cấp nước, riêng quy hoạch cấp nước TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và 4 vùng kinh tế trọng điểm đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải, hiện nay có khoảng 35 nhà máy xử lý nước thải tập trung đang hoạt động, công suất thiết kế



*Toàn cảnh Diễn đàn hợp tác Phần Lan - Việt Nam “Cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn”*

850.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Tỷ lệ thu gom nước thải đô thị 12 - 13%, tỷ lệ xử lý bùn thải khoảng 4%. 40 nhà máy xử lý nước thải đang trong giai đoạn xây dựng có tổng công suất 1.600.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; 90% khu công nghiệp đang vận hành hoặc đang xây dựng hệ thống xử lý nước thải; 50% số bệnh viện có hệ thống xử lý nước thải; hầu hết trong số 5000 làng nghề trên cả nước chưa có trạm xử lý nước thải; bùn thải từ hệ thống thoát nước chưa được xử lý hoặc chưa có công nghệ xử lý phù hợp.

Về quản lý chất thải rắn, tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom hiện nay đạt 38.000 tấn/ngày, tỷ lệ thu gom, vận chuyển và xử lý đạt khoảng 85%, hình thức xử lý chủ yếu là chôn lấp, trong đó 70% là các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh. Tính đến năm 2016, cả nước có khoảng 35 cơ sở xử lý với tổng công suất đạt khoảng 7.500 tấn/ngày đã đi vào hoạt động, công suất trung bình của các cơ sở xử lý phổ biến ở mức 100 - 200 tấn/ngày chất thải rắn sinh hoạt đô thị.

Tại Hội nghị, chia sẻ những kinh nghiệm của Phần Lan về cấp nước an toàn, bà Jaana Kilponen - chuyên viên cao cấp của Ủy ban Giám sát quốc gia về an sinh và y tế (Valvira)

cho biết: Cơ cấu quản lý và đảm bảo cấp nước an toàn ở Phần Lan bao gồm Bộ Y tế và xã hội (cơ quan lập pháp), Ủy ban giám sát quốc gia về an sinh và y tế và các cơ quan quản lý nhà nước theo khu vực, Cục Y tế đô thị và các trung tâm nghiên cứu như Trung tâm nghiên cứu an sinh và y tế quốc gia, Cục an toàn hạt nhân và phóng xạ. Là một thành viên của Liên minh châu Âu, Phần Lan có nghĩa vụ tuân thủ các Chỉ thị của Hội đồng châu Âu quy định về chất lượng nước sạch và cụ thể hóa, lồng ghép các nội dung của Chỉ thị này vào hệ thống pháp luật và xây dựng Kế hoạch cấp nước an toàn.

Phần II của Hội nghị là Diễn đàn hợp tác Phần Lan - Việt Nam - là phần giới thiệu, giao lưu và tọa đàm của các doanh nghiệp Phần Lan và Việt Nam trong lĩnh vực cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường. Đây là cơ hội để doanh nghiệp hai bên tiếp xúc, chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi thông tin cũng như xúc tiến hợp tác đầu tư, thương mại.

Tại Hội thảo “Giảm thất thoát nước sạch - thách thức và cơ hội” diễn ra vào buổi chiều cùng ngày, phát biểu khai mạc, Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Nguyễn Hồng Tiến cho biết, trong 06 năm thực hiện và triển khai các hoạt động của Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025 theo Quyết định số 2147/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/11/2010, Chương trình nước và vệ sinh tại các thị trấn nhỏ ở Việt Nam do Chính phủ Phần Lan tài trợ đã luôn đồng hành cùng với Cục Hạ tầng kỹ thuật, hỗ trợ, tài trợ tổ chức các hội thảo, diễn đàn, các chuyến tham quan khảo sát thực tế: Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm chống thất thoát, thất thu nước sạch; Hội thảo về vật tư, thiết bị ngành nước tại 3 miền Bắc, Trung Nam; và gần đây nhất là Hội thảo tham vấn về việc xây dựng Luật Cấp nước và Điều chỉnh định hướng cấp nước đô thị, khu công nghiệp Việt Nam tổ chức tại thành phố Đà Nẵng. Kết quả của các hội thảo này là những thông điệp gửi đến chính quyền các địa



*Toàn cảnh Hội thảo “Giảm thất thoát nước sạch – thách thức và cơ hội”*

phương, các doanh nghiệp, các cơ quan liên quan về kết quả hoạt động của Chương trình quốc gia chống thất thoát thất thu nước sạch, đánh giá một cách tổng quát về tình hình cấp nước đô thị Việt Nam, tổng quan về sử dụng vật tư thiết bị ngành nước và những kinh nghiệm quý trong thực hiện công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch cũng như nâng cao năng lực cho đơn vị quản lý.

Tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã nghe tham luận của Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng về tình hình thực hiện giảm thất thoát thất thu nước sạch tại Việt Nam giai đoạn 2011 - 2016; tham luận của Công ty cấp nước Hải Phòng, Công ty Cấp nước Huế chia sẻ kinh nghiệm thực hiện công tác giảm thất thoát, thất thu nước sạch; tham luận về kinh nghiệm dò tìm rò rỉ trong hệ thống cấp nước của Công ty VHD; tham luận kinh nghiệm giảm thất thoát nước sạch tại Phần Lan của chuyên gia Phần Lan Hanu Vikman.

Đánh giá về kết quả của Hội thảo, theo Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến, Hội thảo đã tập trung trao đổi, thảo luận chuyên đề làm thế nào để giảm thất thoát thất thu nước sạch với không khí cởi mở, sự tham gia ý kiến của đông đảo đại biểu. Sau 06 năm triển khai Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch, với sự đồng hành của các Bộ ngành, địa phương, các doanh nghiệp cấp nước, sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, trong đó có Chương trình nước và

vệ sinh tại các thị trấn nhỏ Việt Nam của Chính phủ Phần Lan, đến nay chúng ta đã đạt được những kết quả tích cực: tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch trung bình cả nước đã giảm từ trên 30% giai đoạn trước năm 2011 xuống còn 24,5% vào năm 2016; tổng kết tương đối đầy đủ các giải pháp chống thất thoát thất thu nước sạch và đào tạo nhân lực...

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến bày tỏ cảm ơn Chính phủ

Phần Lan, Đại sứ quán Phần Lan và Chương trình nước và vệ sinh tại các thị trấn nhỏ của Việt Nam đã luôn đồng hành hỗ trợ, tài trợ cho Bộ Xây dựng, Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng, góp phần vào sự thành công của Chương trình quốc gia chống thất thoát thất thu nước sạch cũng như cho sự phát triển của ngành Nước của Việt Nam.

Minh Tuấn

## **Chân dung các thành phố hiện đại của châu Âu. Những xu hướng cơ bản trong quy hoạch đô thị châu Âu thế kỷ XXI**

Trong thế kỷ XX, diện mạo các thành phố châu Âu đã có nhiều thay đổi, trước hết nhờ sự tăng trưởng kinh tế, bên cạnh đó còn nhờ ảnh hưởng từ những trào lưu mới trong kiến trúc và quy hoạch đô thị. Đặc điểm của sự phát triển kinh tế tại các quốc gia châu Âu, sự chuyển đổi sang kỷ nguyên “hậu công nghiệp hóa” đã thúc đẩy quá trình tự triệt tiêu của các khu vực, các nhà máy sản xuất công nghiệp; thay vào đó là các khu văn phòng của các tập đoàn lớn, các trung tâm khoa học và công nghệ, các khu thương mại - dịch vụ - tài chính...

Sự tăng giá bất động sản tại các nước châu Âu (đặc biệt tại các thành phố lớn và các khu nghỉ dưỡng lớn), sự gia tăng lợi nhuận của các lĩnh vực phi sản xuất công nghiệp và nông nghiệp khiến các nhà máy, phân xưởng trong địa giới thành phố mất dần lợi thế về mặt kinh tế. Vị thế và vai trò của hầu hết các thành phố lớn tại châu Âu đều có những biến đổi rõ nét.

Thành phố không còn là nơi tập kết các nhà máy phân xưởng sản xuất nữa mà là các trung tâm khoa học công nghệ, tài chính, thương mại và du lịch. Ở thời hoàng kim của tiến trình công nghiệp hóa, nhiều thành phố châu Âu đã trở thành trung tâm tài chính lớn. Chính quyền các thành phố ngày từ đầu đã định hình trung tâm

kinh doanh - làm việc song song với trung tâm lịch sử, nỗ lực gìn giữ không gian cổ kính từ thời Trung cổ tại những ô phố và quận trung tâm. Sự kết hợp cả hai trung tâm luôn là vấn đề nan giải, bởi giá đất quá cao khiến các nhà đầu tư chỉ muốn xây nên những công trình “thiếu điển hình” trong không gian lịch sử (với nhiều tầng cao, phong cách hiện đại...), và luôn tìm kiếm các giải pháp để xây bãi đỗ xe, mở rộng tuyến giao thông... Tất cả những điều này đương nhiên sẽ xâm hại rất nhiều tới gương mặt lịch sử của cả thành phố.

Để giải quyết vấn đề nêu trên, Chính quyền các thành phố cần thông qua những giải pháp tích cực và hợp lý, trong đó có việc phân tách đất dành cho xây dựng thương mại (cách ly khỏi trung tâm lịch sử) và xây hạ tầng cần thiết (trước hết là hạ tầng nhà ở - công trình công cộng, và hạ tầng giao thông) nhằm quy định chức năng cho bất động sản thương mại. Một loạt dự án táo bạo xây dựng những trung tâm kinh doanh thương mại tách biệt các trung tâm lịch sử đã được thực hiện thành công tại châu Âu. Có thể điểm qua một số dự án nổi bật:

Tại Thủ đô Paris (Pháp), khu kinh tế hành chính La Defense - “thành phố của thiên niên kỷ thứ ba” là nơi tập trung rất nhiều tòa tháp



*Một góc thành Vienna (Áo) cổ kính*

chọc trời, như các tháp Gan, Areva, Total, EDF... La Defense có tới hơn 3 triệu mét vuông văn phòng và 230 nghìn mét vuông dành cho thương mại, được quy hoạch thành khu vực hiện đại hoàn toàn nằm ngoài Paris cổ; với số lượng lớn nhân viên văn phòng (hơn 150 nghìn) làm việc trong hơn 1500 công ty, trong đó có nhiều công ty hàng đầu của Pháp và thế giới.

Tại Vienna (Thủ đô Áo), “Uno - city” là khu vực mới xây dựng của thành phố ở phía bắc sông Donau, đặc trưng bởi phong cách kiến trúc hiện đại, đối lập hoàn toàn với thành Viên cổ kính. Tòa tháp Millenium Tower ở Handelskai có độ cao 202 m cho tới nay vẫn là công trình cao nhất thủ đô Vienna, biểu tượng cho một bước ngoặt trong kiến trúc của Vienna. Nhiều dự án tương tự đã và đang được thực hiện tại Roma, Milan, Barcelona, Brussel và nhiều trung tâm kinh tế lớn khác của châu Âu.

Nhiều năm trước đây, Chính quyền London (Anh) đã cho phép xây dựng trung tâm thành phố khá “lộn xộn”, với các tòa nhà cao tầng bằng kính dọc hai bên bờ sông Thames - vốn có vai trò lịch sử là “tuyến đường chính” của Thủ đô xứ sở Sương mù. Xen kẽ với những công trình kiến trúc hiện đại bằng thép, kính và bê tông như tổ hợp nhà Quốc hội Anh, Tòa Thị chính London, vòng đu quay Thiên niên kỷ London Eye... có rất nhiều ngôi nhà từ thời Georgian (cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX), cùng với các công trình kiến trúc cổ điển như điện Buckingham, Tháp đồng hồ Big Ben, cầu



*Khu trung tâm tài chính La Defense (Paris - Pháp)*

tháp Tower Bridge... Ý tưởng trong quy hoạch đô thị của Chính quyền London là tạo sự hài hòa gắn kết giữa hiện đại và truyền thống, biểu đạt cho sự phát triển bền vững có điểm tựa là lịch sử và tầm nhìn hướng tới tương lai. Tuy nhiên, theo nhiều nhà sử học, và cả giới kiến trúc - thiết kế: Kiến trúc hiện đại đã phá vỡ bề ngoài kinh điển của “thành phố sương mù”. Hiện nay, London đang phải đối mặt với vấn đề giao thông - vấn đề khá nan giải ngay cả khi các phương tiện cá nhân đã chính thức bị cấm tại trung tâm thành phố. Thách thức tương tự cũng đang được đặt ra với Amsterdam của Hà Lan (nơi các khu vực lịch sử hiện giờ đã bị “lấp đầy” bởi trung tâm làm việc - kinh doanh) và Geneve của Thụy Sĩ.

Thủ đô Moskva của Nga đang tìm giải pháp cho vấn đề phân định trung tâm làm việc và trung tâm lịch sử. Dự án trung tâm tài chính “Moskva - city” cách điện Kremli 10km hiện đang được triển khai thực hiện. Tiếp theo, Saint Peterburg (Nga) và Praha (Cộng hòa Czech và Slovakia) cũng đang tìm cho mình những hướng đi phù hợp.

Bước sang thế kỷ XXI, mỗi thành phố hiện đại của châu Âu đều hướng tới mục tiêu “đô thị phát triển bền vững”, “đô thị có cuộc sống chất lượng”. Chính quyền các thành phố luôn chú trọng những biện pháp để có thể áp dụng hiệu quả các công cụ quy hoạch đô thị thực hiện mục tiêu trên; xác định rõ những khu vực nào trong không gian đô thị cần đặc biệt quan tâm





Cảnh quan hiện đại hai bên bờ sông Thames  
(London - Anh)

và là trọng tâm tương lai của quy hoạch đô thị. Thông qua hàng loạt hoạt động triển lãm và hội thảo diễn ra liên tục tại Berlin, London, Munich, Nice..., kết hợp với kết quả nghiên cứu thảo luận của các chuyên gia trong lĩnh vực quy hoạch - thiết kế đô thị và những không gian trọng yếu, kết quả nghiên cứu các mô hình “biến hình” của các thành phố châu Âu cuối thế kỷ XX - đầu thế kỷ XXI, có thể đúc kết một số xu hướng cơ bản nhất trong quy hoạch đô thị châu Âu thế kỷ XXI như sau:

#### *Xây các đô thị nén có mật độ xây dựng lớn*

Nhiều chuyên gia cho rằng: sự “phình to” của mỗi thành phố sẽ khiến chi phí để duy tu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị gia tăng nhanh chóng. Mật độ xây dựng dày đặc sẽ khiến việc tiêu thụ năng lượng giảm đi, cuộc sống xã hội sôi động hơn, khả năng bảo đảm an toàn cho con người tốt hơn. Mật độ xây dựng cao cũng cho phép sử dụng hiệu quả hơn hệ thống giao thông công cộng. Quy hoạch đô thị hiện đại của châu Âu không hướng tới việc khai phá những diện tích lãnh thổ mới và mở rộng địa giới, mà chú trọng hồi sinh những khu công nghiệp cũ và chuyển đổi những khu đất xuống cấp.

#### *Ưu tiên phát triển hệ thống giao thông công cộng*

Thành phố hiện đại của châu Âu lấy con người làm yếu tố chính, chứ không phải là xe hơi. Một thành phố toàn xe hơi luôn tiêu thụ rất nhiều năng lượng và trở nên thiếu thuận tiện -

không gian đô thị sẽ bị “trung dụng” đáng kể để làm đường và bãi đỗ xe. Giải pháp tối ưu nằm trong sự ưu tiên phát triển giao thông công cộng, mà đỉnh cao trong vòng một thập kỷ trở lại đây là tàu điện cao tốc. Có thể lấy Paris làm ví dụ: Thành phố dự chi khoảng 35 tỷ euro trong 10 năm tới để xây thêm các nhà ga mới và các nút giao trên các tuyến đường sắt, đường xe điện ngầm và tàu điện cao tốc.

#### *Chú trọng hình thành các không gian công cộng*

Các công viên, vườn hoa, quảng trường, các trung tâm vui chơi giải trí, khu vực đi bộ, bảo tàng... chính là những khoảng không gian để cộng đồng dân cư có thể tự do hoạt động, giao tiếp, tới và đi. Những không gian công cộng phát triển luôn bảo đảm chất lượng cao của cuộc sống đô thị. Năm 2002, London là thành phố châu Âu đầu tiên đã thông qua chương trình thiết lập 100 không gian công cộng trong thành phố.

#### *Quy trở về với cấu trúc ô phố trong mỗi đô thị*

Quy hoạch đô thị của châu Âu có cấu trúc phân ô thành những ô phố, hoặc khu phố nhỏ. Ưu điểm của việc phân ô này chính là sự cân đối hài hòa giữa cá nhân và xã hội, giữa tính riêng tư và tính cộng đồng. Các con phố trong mỗi ô phố đều có thể trở thành không gian công cộng, với các cửa hàng cửa hiệu, quán cà phê... Hơn nữa, bên trong mỗi ô phố luôn có những khoảng sân nhỏ ấm cúng. Việc xây dựng theo ô phố sẽ bảo đảm giao thông xuyên suốt cả thành phố. Song điều cơ bản nhất: những ô phố nhỏ hơn rất nhiều so với một quận hoặc vùng, do đó việc xây dựng sẽ mang tính nhân văn cao hơn. Khác với quận dân sinh, trong ô phố có thể hình thành những cộng đồng trọn vẹn.

#### *Từ bỏ việc phân khu chức năng trong các đô thị*

Nguyên tắc phân khu chức năng đô thị từng được áp dụng rộng rãi ở châu Âu, khi trong một khu vực tập trung các công trình có cùng chức



năng (để ở, văn phòng hoặc sản xuất). Nguyên tắc này đã có trong thực tiễn quy hoạch đô thị thế giới từ những năm 20 thế kỷ trước, nhằm tách biệt các khu dân sinh với khu công nghiệp và khu vực sản xuất. Giờ đây, đối với nhiều thành phố, điều này không còn cần thiết. Không phân khu chức năng tức là sẽ tránh được sự di dân liên tục theo chu trình “khu vực sinh sống - khu vực làm việc”. Xây dựng đa năng sẽ góp phần tạo lập không gian đô thị mới - đa dạng hơn, sinh động hơn cho mọi hoạt động của con người.

*Thành phố sáng tạo và việc thiết lập các tiểu trung tâm địa phương*

Những thành phố tiên tiến của châu Âu đang chuyển dần thành những thành phố sáng tạo - nơi sự sáng tạo và tự thực hiện của con người được coi là yếu tố cơ bản. Một giải pháp trong quy hoạch đô thị - hình thành các tiểu trung tâm địa phương - được vận dụng để thiết lập không gian sáng tạo. Xung quanh những không gian công cộng, vị trí thứ ba (third place) được hình thành (vị trí thứ nhất là “sinh sống”, vị trí thứ hai là “làm việc”). Vị trí thứ ba là nơi giao tiếp, đồng thời là nơi nghỉ ngơi và làm việc.

*Xây nhà ở xã hội mới*

Trong thập kỷ vừa qua, Chính phủ các nước châu Âu đều đồng loạt tăng mạnh ngân sách dành cho việc xây mới nhà xã hội. Điều đó chứng tỏ nhà xã hội là mô hình mà đại bộ phận người dân - kể cả người dân thuộc tầng lớp trung lưu tại những quốc gia tiên tiến - coi là phù hợp và lựa chọn.

Các thành phố của Nga hiện nay đang trong giai đoạn tìm kiếm mô hình quy hoạch đô thị quốc gia có thể đáp ứng mọi điều kiện đặc thù của mình - sự tồn tại một khối lượng lớn di sản thời kỳ “hậu xô viết”, phong khí hậu phức tạp và khắc nghiệt, sự lạc hậu về khoa học kỹ thuật... Những kinh nghiệm trong thực tế quy hoạch đô thị của các nước phương Tây sẽ là bài học hữu ích đối với các nhà quy hoạch đô thị Nga trong việc nghiên cứu tìm ra mô hình phù hợp hơn cả, xu hướng phát triển tương thích hơn cả cho các thành phố Nga trong tương lai.

**Vronhina A.V.**

*Nguồn: Chuyên san của trường ĐH  
Xây dựng Kiến trúc Quốc gia Nzhigorod  
(Nga) 1/2015*

**ND: Lê Minh**

## **Xây dựng thương hiệu kiến trúc - Quy hoạch đô thị của khu vực lãnh thổ là yếu tố then chốt phát triển đô thị**

Ngày nay, tạo ra không gian tiện nghi, có năng lực cạnh tranh và không ngừng phát triển môi trường đô thị là một quá trình đòi hỏi kiến thức chuyên môn và sự sẵn sàng của các công cụ khái niệm. Một trong những công cụ cần thiết cho sự phát triển không gian đô thị hướng tới giải quyết các vấn đề của đô thị, là thương hiệu của khu vực lãnh thổ. Đó chính là phương pháp phát triển khu vực lãnh thổ một cách có ý thức và cấp thiết trong điều kiện mới hiện nay.

Sự quan tâm của các chuyên gia đối với vấn đề phát triển khu vực lãnh thổ nảy sinh từ nhu cầu hiện đại hóa các điểm dân cư “đang xuống

cấp” và tìm kiếm mô hình phát triển bền vững cho các điểm dân cư đó. Các yếu tố phát triển đô thị có kỳ vọng cho đến ngày nay gồm có các yếu tố như tự nhiên, lao động, khoa học, giáo dục, đầu tư và đổi mới. Thương hiệu của khu vực lãnh thổ đòi hỏi hội đủ các yếu tố nêu trên

Khái niệm “thương hiệu đô thị” bắt nguồn từ khái niệm “thương hiệu của địa điểm”, do Simon Anholt nêu ra năm 2002. Theo D.V. Vizgalova thương hiệu đô thị bao gồm hai yếu tố chính “đó là bản sắc của đô thị được thể hiện trong các ý tưởng sống động và hấp dẫn, các biểu tượng, giá trị, hình ảnh” và “biểu tượng của

đô thị, trong đó bản sắc của đô thị tìm thấy sự thể hiện đầy đủ nhất và phù hợp nhất".

Quá trình đi tìm bản sắc và tính độc đáo của khu vực lãnh thổ đã giúp xác định được các loại hình thương hiệu cơ bản. Nhà nghiên cứu M.M. Smetannikov nêu ra 5 loại loại hình thương hiệu cơ bản của đô thị và khu vực lãnh thổ:

#### *Thương hiệu lịch sử - văn hóa*

- Các đô thị "Vành đai vàng" gồm có các đô thị: Vladimir, Gorokhovets, Suzdal, ...

- Đô thị bảo tàng gồm có các đô thị: Tver, Staritsa, Elets, ....

Ý tưởng đặt tên cho thương hiệu lịch sử - văn hóa của đô thị: "Đô thị Di sản của Tatarstan", "Đô thị Velikiy Novgorod - Tổ quốc của nước Nga", "Đô thị Ulyanovsk - Thủ đô văn hóa",...

#### *Thương hiệu du lịch*

- Các đô thị liên tưởng như Arkhangelsk (Đô thị tuyết), Velikiy Ustyug (Ông già tuyết), Kamchatka (Thung lũng suối phun),.....;

- Các dự án đô thị như Vologda (dự án Khu du lịch và giải trí "Đô thị Nason"), Saratov (dự án du lịch "Đô thị cổ Ukek"), Sochi (Thế vận hội 2014), ...

Ý tưởng đặt tên cho thương hiệu đô thị du lịch: "Velikiy Ustyug - Quê hương của ông già tuyết", "Dobryanka - Thủ đô của sự thân thiện", "Ulyanovsk - Quê hương của Lê nin", "Đô thị thông minh", "Đô thị công viên", "Đô thị trên mặt nước".

#### *Thương hiệu công nghiệp*

- Các đô thị và điểm dân cư sản xuất công nghiệp như Ekaterinburg (Cơ khí), Ulyanovsk (Hàng không và cơ khí), Magnitogorsk (Luyện kim), Alabuga (Đặc khu kinh tế), làng Gzhel (Sứ), Rostov (Men nghệ thuật), Vologda (Thêu ren).

Ý tưởng đặt tên cho thương hiệu đô thị công nghiệp: "Ulyanovsk - Sẵn sàng cất cánh", "Magnitogorsk - Nơi gặp gỡ của châu Âu và châu Á", "Sterlitamak - Cuộc sống trong hình khối", "Gubkin - Trung tâm của sự thu hút".

#### *Thương hiệu tôn giáo*

- Các đô thị và điểm dân cư có ý nghĩa tôn

giáo như đảo Valaam (Tu viện nam Valaam), Kozelsk (Tu viện ẩn cư Optina), làng Diveevo (Tu viện nữ Svyato-Troitsskiy Seraphimo-Diveyiskiy), Bolga (Khu định cư Bulgar).

Ý tưởng đặt tên thương hiệu tôn giáo cho đô thị và điểm dân cư: "Đô thị thánh Jerusalem", "Đô thị cổ Bolgar", "Đảo thành cổ Sviyazhsk".

#### *Thương hiệu dân tộc học*

- Đô thị và điểm dân cư dân tộc học như làng Shuvalovka (Làng Nga), làng Yamashurma (Làng Tatar), làng Eremeevo ở Komi (Làng Komi).

Ý tưởng đặt tên thương hiệu dân tộc học cho các đô thị và điểm dân cư dân tộc học: "Làng Nga - Shuvalovka", "Eremeevo - Làng thợ săn".

Từ những nội dung nêu trên, có thể kết luận rằng các bộ phận đặc trưng của không gian hình thành nên bản sắc và tính độc đáo. Sự phân tích các thành phần cấu trúc của môi trường đô thị, từng bước một có thể giúp xây dựng thương hiệu khách quan của đô thị trong môi trường đó. D.V. Vizgalov nêu ra 4 định hướng xây dựng thương hiệu trong môi trường đô thị là: Không gian đô thị; Kết cấu hạ tầng đô thị; Quản lý, đối tác xã hội; Đời sống văn hóa: Đặc trưng và hành vi của đô thị. Bằng các công cụ kiến trúc, đô thị có được hình dáng thể hiện tính cách và đặc điểm của sự phát triển của đô thị. Xây dựng thương hiệu của đô thị trên cơ sở các phạm trù kiến trúc, có thể được xem là "xây dựng thương hiệu kiến trúc - quy hoạch đô thị". "Thương hiệu kiến trúc - quy hoạch đô thị" được xem như là tổng hòa của các quá trình nhằm tạo ra môi trường đô thị mới (tiện nghi, cấp thiết, cạnh tranh và có sự lựa chọn), chuyển đổi khái niệm thương hiệu thành hình ảnh thông qua các phương tiện biểu đạt của kiến trúc. Sử dụng phương pháp luận thương hiệu kiến trúc - quy hoạch đô thị sẽ tạo ra một không gian đô thị sáng tạo, hội đủ điều kiện thuận lợi cho sự hình thành chiến lược phát triển đô thị bền vững bằng sự sáng tạo.

Xây dựng thương hiệu của không gian đô thị

được thực hiện thông qua nhiều hình thức và định hướng. Việc xây dựng thương hiệu kiến trúc liên quan đến việc thực hiện thương hiệu trong môi trường đô thị theo hai cách: Kiến trúc của thiết kế hình khối và kiến trúc của thiết kế khu vực lãnh thổ. Hướng đầu tiên được hình thành từ 3 hướng bộ phận sau:

*Nhà và công trình*

Nhà và công trình độc đáo tạo thành biểu tượng đặc biệt của đô thị giúp kiểm soát sự phát triển và sự nổi tiếng của đô thị. Các công trình mang tính thể hiện thu hút sự chú ý của cả người dân và du khách đến đô thị, tạo ra các mối liên hệ tích cực cần thiết với không gian xung quanh. Ví dụ, tháp Eiffel ở Paris, điện Kremlin và nhà hát Galyaskal Kamal ở Kazan,... Trong điều kiện tồn tại các mâu thuẫn giữa toàn cầu hóa và bản địa hóa, cùng với các công trình mang tính biểu tượng thì các công trình kiến trúc thể hiện cho bản sắc của vùng lãnh thổ và quốc gia có ý nghĩa quan trọng. Biểu tượng của địa phương có thể được hình thành từ các công trình mang tính sự kiện, như sân vận động "Tổ chim" ở Bắc Kinh, tổ hợp các phòng trưng bày dành cho Thế vận hội Olympic tại London,...

*Các công trình kiến trúc nhỏ*

Trong trường hợp này, thương hiệu có thể được thể hiện trực quan thông qua sự nhấn mạnh chủ đề: Bảng chỉ dẫn đường phố, các bảng thông tin, các loại biển hiệu, đèn, thùng rác, quầy hàng thương mại, ghế băng và tượng đài. Ý tưởng thể hiện thương hiệu thông qua dạng thức kiến trúc nhỏ, giúp tăng cường ấn tượng từ môi trường đô thị đối với các đối tượng mục tiêu (người dân và du khách của đô thị, các nhà đầu tư, các nhà quản lý và công chức,...). Vì vậy, ở đô thị Towada tại Nhật Bản đã lắp đặt các ghế băng mà bề mặt gương của ghế phản xạ hình ảnh hoa anh đào được trồng trong công viên - biểu tượng của Nhật Bản. Thắng cảnh độc đáo của đô thị Izhevsk là tượng đài kỷ niệm những người chế tạo vũ khí, trở thành ý tưởng

xây dựng thương hiệu đô thị - "Izhevsk - Thủ đô vũ khí của nước Nga". Chim làm nên sự nổi tiếng của đô thị Đức Ulm. Các ngôi nhà được trang trí bằng hình ảnh chim sẻ và trên mái của Nhà thờ Ulm được lắp đặt bức tượng chim.

*Các công trình được thiết kế trực quan hoặc không trực quan*

Các công trình đó gồm có: Tạo hình ảnh đồ họa của thương hiệu, các gam màu sắc, mùi vị và âm thanh của đô thị. Đối với việc xây dựng thương hiệu từng yếu tố của thiết kế đồ họa đều có ý nghĩa. Sự thay đổi sau đó các yếu tố nêu trên là không thể chấp nhận, do sự tiêu chuẩn hoá nhằm tránh sự xói mòn thương hiệu. Các thiết kế phải độc đáo và khó có thể lặp lại... Ở Nga, thiết kế thương hiệu được thực hiện cho các đô thị như Kazan, Ulyanovsk, Penza và Magnitogorsk.

Ví dụ, các kiểu chữ in khổ lớn riêng và màu sắc riêng đã được thiết kế dành cho thương hiệu của đô thị Perm. Các yếu tố thiết kế không trực quan có thể được nhìn thấy trong cấu trúc của đô thị Munich. Việc tổ chức lễ hội dân gian "Oktoberfest" góp phần tạo nên các mối liên tưởng vững chắc mang hương vị của đô thị.

Cùng với kiến trúc thiết kế hình khối, thương hiệu có thể được thể hiện thông qua kiến trúc thiết kế khu vực lãnh thổ. Kiến trúc thiết kế khu vực lãnh thổ được hình thành từ 5 hướng bộ phận sau đây:

*Phân tích một cách tổng hợp và đánh giá khu vực lãnh thổ*

Nghiên cứu đặc điểm chính của khu vực lãnh thổ đang được xây dựng thương hiệu cho phép xác định các thành phần độc đáo của nó và lựa chọn các khu vực dành cho việc xây dựng thương hiệu kiến trúc - quy hoạch đô thị.

*Quy hoạch phân khu theo chủ đề*

Thành phố Chicago được chia thành các khu vực văn hóa, trong đó mỗi khu vực mang những chất lượng đặc biệt của không gian đô thị và dành cho các nhóm xã hội khác nhau. Ý tưởng cơ bản là đô thị có thể tạo điều kiện sống

tiện nghi cho tất cả mọi người và điều đó đem lại lợi thế không thể phủ nhận so với các điểm dân cư khác. Thành phố Seoul được chia ra thành các khu đô thị như "khu đô thị giải trí", "khu đô thị thanh niên", "khu đô thị xe ô tô" và "khu đô thị trẻ em". Một phương pháp quy hoạch phân khu độc đáo khác là quy hoạch phân khu văn hóa - dân tộc. Các ô phố văn hóa - dân tộc được phát triển tại các thành phố như Manchester, London, Pusan, Voronezh, St. Petersburg và Yekaterinburg. Sự thành lập ô phố văn hóa ở thành phố Busan của Hàn Quốc có ý nghĩa đặc biệt. Vị trí của ô phố, các tòa nhà độc đáo, các tác phẩm điêu khắc khác thường và giải pháp màu sắc tinh vi giúp phát huy các tiềm năng của thành phố và nâng cao đáng kể năng lực cạnh tranh du lịch. Nhiều ô phố trong đô thị được thiết kế góp phần phát triển tiềm năng du lịch của đô thị như các khu đô thị "Nước Tây Ban Nha thu nhỏ", "Tiểu Thái Lan", "Phố Trung Hoa". Ngày nay, các khu đô thị đó trở thành bảo tàng văn hoá của các dân tộc trên thế giới và Phố Trung Hoa đã trở thành thương hiệu được nhân rộng tại nhiều đô thị lớn;

*Sự tác động của kết cấu hạ tầng đô thị*

Khái niệm tích cực của thương hiệu có thể được xây dựng trên cơ sở kết cấu hạ tầng công cộng, giao thông và thông tin phù hợp và có chất lượng. Tàu điện ngầm ở London đã trở thành một trong những yếu tố quan trọng làm nên thương hiệu của thành phố và là biểu tượng của đô thị.

*Việc xác định tỷ lệ kích thước của môi trường đô thị giúp hiểu được ý nghĩa của không gian đô thị xét về sự thống nhất giữa cảnh quan và đặc điểm lịch sử hình thành đô thị*

Việc xác lập được tỷ lệ kích thước tiện nghi cho con người và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu mới của môi trường đô thị, sẽ góp phần hình thành ấn tượng thị giác, tác động tích cực đến các đối tượng mục tiêu của thương hiệu. Bối cảnh trực quan phù hợp hình thành sự liên tưởng tích cực với đô thị.

Ví dụ về tỷ lệ kích thước của môi trường đô thị là quy định cấm xây dựng nhà cao trên 5 tầng tại các thành phố Mozhaisk, Ruza và Taldoma. Sự xuất hiện của nhà cao tầng có thể phá hỏng diện mạo lịch sử tổng thể của các đô thị ngoại ô thành phố Mátxcova;

*Tổ chức cảnh quan đô thị*

Thiết kế cảnh quan có thể giúp đạt được sự thống nhất của cảnh quan đô thị và nâng cao mức độ tiện ích của đô thị.

Khi vai trò của các giải pháp thiết kế được nâng cao một cách tổng thể, thì các yếu tố của thiết kế khu vực lãnh thổ và thiết kế hình khối sẽ hình thành "cơ thể" của thương hiệu, và cơ thể đó sẽ thể hiện chiến lược phát triển đô thị cho tương lai.

Việc xây dựng thương hiệu trong không gian kiến trúc được khuyến nghị thực hiện theo nhiều giai đoạn như sau:

1. *Phân tích cấu trúc của khái niệm về thương hiệu đô thị:* Nhiệm vụ phân tích là hiểu được bản chất và chiến lược phát triển thương hiệu. Thiết lập mối liên kết giữa tất cả các yếu tố của thương hiệu và xác định các kết quả dự kiến đạt được từ các mối quan hệ tương hỗ của các yếu tố đó.

2. *Nghiên cứu không gian đô thị:* Nghiên cứu cần được thực hiện nhằm xác định bản sắc của đô thị và các định hướng chính xây dựng thương hiệu trong môi trường đô thị.

3. *Soạn thảo chiến lược xây dựng thương hiệu kiến trúc - quy hoạch đô thị:* Mô tả các nguyên tắc cơ bản của chiến lược giúp đơn giản hóa việc triển khai thực hiện chiến lược vào thực tế, trong đó phải kể đến các nguyên tắc xây dựng thương hiệu trong môi trường đô thị, các nguyên tắc về sự phù hợp với chiến lược xây dựng thương hiệu và triển khai thực hiện trong thực tiễn, các nguyên tắc về tầm nhìn được phân tích một cách khoa học và mang định hướng xã hội. Các nguyên tắc nêu trên tạo thành chiến lược phát triển đô thị mang tính cạnh tranh, hỗ trợ các kịch bản lựa chọn xây

dựng thương hiệu kiến trúc - quy hoạch đô thị.

4. *Quy hoạch không gian đô thị phù hợp với các nguyên tắc của chiến lược mới:* Sự đổi mới tư duy về quy hoạch chiến lược khu vực lãnh thổ cần phải tạo ra môi trường đô thị sáng tạo dựa trên cơ sở tổ chức tiếp thị mang tính cấp thiết.

5. *Đánh giá kết quả của việc xây dựng thương hiệu kiến trúc - quy hoạch đô thị:* Trên giai đoạn này diễn ra sự chuyển đổi biểu tượng của đô thị thành thu nhập. Hiệu quả và tác động của các biện pháp áp dụng đối với môi trường đô thị được xác định thông qua tỷ lệ giữa nguồn lực đã sử dụng so với kết quả thu được.

Việc lập chương trình đối với môi trường đô thị đã có thương hiệu là kết quả của việc soạn thảo định hướng và các giai đoạn xây dựng thương hiệu kiến trúc - quy hoạch đô thị trong không gian đô thị. Chương trình hướng tới việc duy trì hình ảnh cập nhật của đô thị và tạo ra các công cụ phát triển môi trường đô thị. Việc tổ chức không gian đô thị bằng phương pháp sáng tạo cũng được xem xét. Phương pháp đề cập sự hình thành cảnh quan đô thị thống nhất, trong đó gắn kết tất cả các tài sản của đô thị thành hệ thống mang tính gắn kết tương hỗ sẽ tạo ra "các tuyến đường văn hóa" và các kịch bản lựa chọn cho cuộc sống trong đô thị. Nghệ thuật kiến trúc được bảo đảm gắn kết với nghệ thuật công trình, trắc địa, xã hội học, tiếp thị, công nghệ thông tin và các ngành khác, tham gia vào việc tạo ra không gian đô thị. Việc sử dụng cách tiếp cận đa ngành được xem là phù hợp hơn cả. Cách tiếp cận đó giúp hình thành ấn tượng tích cực đối với đô thị, tạo nên cảm giác về tính độc đáo của không gian, sự tiện nghi và khả năng dự báo của không gian đô thị. Chính sách tích cực được triển khai nhằm biến nhược điểm thành lợi thế. Không gian được hiện đại hoá trở thành hướng phát triển mới cho lĩnh vực truyền thông. Sự tương tác của các nhóm xã hội khác nhau cung cấp những ý tưởng sáng tạo, hữu ích cho việc duy trì môi trường sáng tạo của

đô thị. Thương hiệu kiến trúc - quy hoạch đô thị được xây dựng thành công khi bản sắc của đô thị được thể hiện đầy đủ trong hình ảnh của đô thị. Các lợi thế độc đáo của khu vực lãnh thổ trở nên có hình dáng, các công trình kiến trúc và kết cấu hạ tầng là một hệ thống thống nhất có khả năng tự đổi mới, trong đó kết quả hoạt động của hệ thống đó là các không gian đô thị được lựa chọn và các giải pháp thiết kế độc đáo. Thương hiệu của đô thị được nhân rộng nhiều lần trong không gian đô thị bằng các công cụ kiến trúc. Các lãnh thổ của đô thị thu hút những con người sáng tạo; sự công nhận trên các mức độ khác nhau và lợi nhuận đáng kể thu được từ thương hiệu sẽ khuyến khích thực hiện các định hướng phát triển hiện có và tìm kiếm những hướng đi mới.

#### **Kết luận**

Thương hiệu kiến trúc - quy hoạch đô thị là một yếu tố của triết lý mới quản lý đô thị. Tính cấp thiết của việc áp dụng phương pháp đó được khẳng định do không gian đô thị cần phải nhanh chóng thích ứng với sự thay đổi của điều kiện môi trường bên ngoài. Với sự hỗ trợ của các phương pháp đó, đô thị bảo tồn được năng lực cạnh tranh và tính linh hoạt của sự phát triển, thu hút được nhiều vốn đầu tư và hình thành được đặc tính độc đáo của riêng mình. Kết quả chủ yếu thu được từ xây dựng thương hiệu kiến trúc - quy hoạch đô thị được xem là khả năng phổ biến rộng rãi các đặc điểm của đô thị và khả năng chuyển đổi các đặc điểm đó thành thu nhập, nâng cao chất lượng môi trường đô thị và phát triển hệ thống thông minh trong đô thị. Trên cơ sở của môi trường đó, có thể xây dựng mô hình phát triển bền vững của khu vực lãnh thổ.

**Krasnobaev I.V.**

*Nguồn: Bản tin Trường đại học kiến trúc – xây dựng Kazan, Số 1/2016*

**ND: Huỳnh Phước**



## **Phương hướng phát triển xử lý phân loại rác thải - Kinh nghiệm từ thành phố Duy Phường tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc**

Thành phố Duy Phường, tỉnh Sơn Đông được nhà nước Trung Quốc xác định là thành phố thí điểm loạt đầu tiên về tận dụng tài nguyên hóa và xử lý vô hại hóa rác thải nhà bếp, xét từ các phương diện như cơ sở đồng bộ, cơ chế hoàn thiện và hiệu quả thực tế, thành phố đều đạt được những thành quả tích cực, tạo cơ sở tốt cho việc mở rộng công tác xử lý rác thải sau này.

### **I. Những thay đổi trong kết cấu rác thải sinh hoạt**

Thành phần rác thải tại đô thị chịu ảnh hưởng bởi rất nhiều nhân tố như môi trường tự nhiên, mức chi tiêu trong sinh hoạt của người dân, trình độ phát triển kinh tế xã hội, khí hậu, thay đổi thời tiết, số lượng dân số, thói quen sinh hoạt của người dân, kết cấu nguồn năng lượng... Khu vực thành phố Duy Phường hiện nay mỗi ngày xử lý khoảng 1.800 tấn rác thải sinh hoạt, lúc cao điểm đạt tới 2.000 tấn. Tỷ lệ các chất hữu cơ có trong rác thải sinh hoạt tăng dần theo từng năm (khoảng 57%), phế phẩm cũng có xu thế gia tăng, tỷ lệ chất vô cơ lại có xu hướng giảm xuống (chiếm khoảng 43%). Do sự gia tăng của các chất hữu cơ, hàm lượng nước chứa trong rác thải cũng tăng lên, nguyên nhân chủ yếu là do: *Thứ nhất*, cùng với sự nâng cao trong mức đô thị hóa, cơ sở hạ tầng đô thị ngày càng hoàn thiện, tỷ lệ sử dụng khí đốt và tỷ lệ cấp nhiệt tập trung tăng dần theo từng năm, hàm lượng tro than trong rác thải giảm dần. *Thứ hai*, công tác quản lý xây dựng tại đô thị không ngừng được hoàn thiện và nâng cao, công tác quản lý rác thải xây dựng ngày càng được quy phạm, do đó lượng rác thải cũng ngày càng ít đi. *Thứ ba*, sự nâng cao trong mức sinh hoạt của người dân đô thị khiến lượng rác thải nhà bếp ngày càng tăng. Chính vì vậy, cùng với

sự nâng cao trong mức đô thị hóa, sự thay đổi này có xu thế ngày càng rõ rệt.

### **II. Hiện trạng quản lý phân loại rác thải sinh hoạt tại thành phố Duy Phường**

Hiện tại, người dân thành phố Duy Phường vẫn chưa hiểu rõ cách phân loại rác thải, một số nơi đã phân chia rõ hai loại thùng đựng rác thải, một thùng ghi rác thải có thể tái chế, thùng kia ghi rác thải không thể tái chế. Tuy đã có thuyết minh rõ ràng, chi tiết nhưng để yêu cầu người qua đường dừng lại đọc hướng dẫn trước khi bỏ rác là điều khó khăn. Trong tiêu chuẩn phân loại và đánh giá về rác thải sinh hoạt đô thị đã có quy định về phân loại rác thải sinh hoạt, tuy nhiên tiêu chuẩn này vẫn tồn tại một số vấn đề: *Một là*, quá nhiều phân loại, quá chi tiết, trong giai đoạn ban đầu phân loại rác thải đã thực hiện phân loại chi tiết, không phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. *Hai là*, phương pháp phân loại quá chuyên nghiệp, những người dân thường khó có thể thích ứng và thực hiện được, thiếu tính khả thi. *Ba là*, thiếu các biện pháp pháp luật cũng như các cơ chế ràng buộc, thưởng phạt tương ứng.

### **III. Phương hướng phát triển phân loại rác thải**

#### **1. Tích cực thúc đẩy công tác lập pháp trong phân loại rác thải**

Về nghĩa vụ phân loại rác thải của cư dân, Trung Quốc hiện nay chưa có quy định rõ ràng nào trong hệ thống pháp luật, chỉ trong điều 3 "Biện pháp Quản lý rác thải sinh hoạt đô thị" có nhắc tới phân loại rác thải: "Nhà nước khích lệ phát triển tận dụng tái chế rác thải sinh hoạt đô thị. Rác thải sinh hoạt đô thị cần từng bước thực hiện thu gom phân loại, vận chuyển và xử lý, từng bước thực hiện vô hại hóa, tài nguyên hóa và giảm số lượng trong xử lý rác thải sinh hoạt

đô thị, làm tốt việc tận dụng tổng hợp.” Hiện tại, các quy định pháp luật về phân loại rác thải sinh hoạt đối với chủ thể xã hội có tính ràng buộc yếu, một số nội dung pháp luật chỉ mang tính hình thức. Pháp luật đóng vai trò là một biện pháp bắt buộc của nhà nước để đảm bảo việc thực thi, nó có sức ràng buộc và quy phạm các hành vi đặc biệt đối với các thành viên trong toàn xã hội, chính vì vậy, để tích cực thúc đẩy xây dựng pháp luật có liên quan, thành phố Duy Phường đã đưa “Điều lệ Quản lý vệ sinh môi trường và diện mạo đô thị thành phố Duy Phường” vào Quy hoạch Lập pháp chính quyền nhân dân thành phố năm 2016 - 2020, trong đó thúc đẩy làm rõ các quy định pháp luật về phân loại rác thải sinh hoạt.

## **2. Đưa ra tiêu chuẩn và quy phạm kỹ thuật trong phân loại rác thải**

Tiêu chuẩn ngành nghề và quy phạm kỹ thuật là thước đo đánh giá hành vi quản lý của ngành nghề đó, là tiêu chí đánh giá sự trưởng thành của ngành nghề, có thể quy phạm hiệu quả sự phát triển của ngành nghề, điều chỉnh trật tự ngành nghề và thúc đẩy ngành nghề phát triển nhanh chóng. Công tác quản lý phân loại rác thải sinh hoạt có thể được xã hội đón nhận hay không phải xem các yêu cầu kỹ thuật có được tiêu chuẩn hóa, chi tiết hóa và quy phạm hóa hay không. Việc đưa ra tiêu chuẩn và quy phạm kỹ thuật phân loại rác thải sinh hoạt phù hợp với thực tế của một thành phố sẽ giúp người thi hành có căn cứ pháp luật, đồng thời nghiêm chỉnh căn cứ nguyên tắc, tiêu chuẩn kỹ thuật để tiến hành quản lý, giám sát đối với việc thu gom, phân loại rác thải, tiến hành xử phạt nghiêm đối với các hành vi vi phạm tương ứng. Nếu như người dân không tiến hành phân loại rác thải, nhân viên thu gom có thể từ chối thu gom rác thải sinh hoạt.

## **3. Xây dựng phương án quản lý rác thải sinh hoạt hoàn thiện**

Hoàn thiện phương án phân loại rác thải sinh hoạt là cơ sở triển khai công tác phân loại

rác thải sinh hoạt, phương án cần có những yếu tố dưới đây: *Thứ nhất*, giảm tối đa ô nhiễm đối với môi trường; *Thứ hai*, chọn ra những tài nguyên có thể tái chế từ rác thải; *Thứ ba*, phương án cần dễ hiểu đối với người dân, đồng thời có các phương án bảo đảm tương ứng; *Thứ tư*, có các kỹ thuật xử lý đồng bộ. Phân loại rác thải là một công trình hệ thống, từ các hộ gia đình cho tới các trường học cần có các thiết bị thu gom rác thải đồng bộ, tiếp đó là sự đồng bộ trong trang bị các phương tiện vận chuyển và xử lý, chỉ cần một khâu yếu hơn, sẽ làm giảm hiệu quả của cả quá trình.

## **4. Xây dựng hệ thống phân loại rác thải khoa học**

Công tác phân loại rác thải sinh hoạt đòi hỏi phải tiến hành giảm lượng rác thải sinh hoạt ngay từ đầu nguồn, như thế vừa có thể giảm được chi phí vận chuyển và xử lý, lại có thể giảm ô nhiễm thứ cấp xảy ra trong quá trình vận chuyển, xử lý. *Thứ nhất*, cần đẩy nhanh xây dựng các công trình sử dụng khí thiên nhiên và dầu mỏ hóa lỏng, thực hiện sử dụng nhiều loại năng lượng, giảm lượng sản sinh tro than. *Thứ hai*, hạn chế việc sử dụng quá nhiều bao bì, xây dựng hệ thống tái chế bao bì phế phẩm, giảm sản sinh rác thải từ các sản phẩm sử dụng một lần. *Thứ ba*, khích lệ đưa ra thị trường các sản phẩm sạch, giảm lượng rác thải nhà bếp. Tuy người dân có ủng hộ công tác phân loại, nhưng do thiếu ý thức bảo vệ môi trường cũng như ý thức phân loại rác thải cho nên trước các biểu tượng quy định phân loại được dán trên các thùng đựng rác thải, họ cũng không phân chia rác thải theo đúng yêu cầu. Vì vậy, cần phải xây dựng biện pháp phân loại rác thải hiệu quả ngay từ đầu nguồn bằng cách xây dựng các trung tâm thu gom rác thải, hình thành mạng lưới thu gom trong toàn thành phố, đồng thời thống nhất công tác quản lý để việc tái chế rác thải có một quỹ đạo trật tự.

## **5. Sử dụng các biện pháp hiệu quả để có được sự hỗ trợ của cư dân**

Công tác phân loại rác thải sinh hoạt không thể tách rời sự tham gia và ủng hộ của người dân, tuy nhiên ý thức của người dân đối với vấn đề này còn thiếu. Để giải quyết vấn đề này, trên cơ sở tôn trọng thói quen phân loại rác thải của cư dân, cần lựa chọn các biện pháp hiệu quả để thúc đẩy chuyển biến và nâng cao ý thức người dân. Thông qua các cơ chế khen thưởng để khích lệ người dân tham gia, tiến hành lựa chọn các khu vực dân cư nhỏ có trình độ dân trí và quản lý nghiệp vụ cao để triển khai thí điểm phân loại rác thải sinh hoạt, từ đó mở rộng mô

hình. Tiến hành công tác tuyên truyền giúp nhân dân ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ và vệ sinh môi trường, triển khai chỉ đạo và hướng dẫn trực quan phân loại rác thải cho cư dân, xây dựng thói quen và phương pháp phân loại rác thải hiệu quả cho người dân.

**Lý Tiêu Bách**

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn  
Trung Quốc, số 9/2016*

**ND: Kim Nhạn**

# LỄ KỶ NIỆM NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM 20-11 TẠI HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2016



*Thú trưởng Bộ Xây dựng Đỗ Đức Duy phát biểu tại buổi Lễ*



*Toàn cảnh buổi Lễ*